

Số: 71/QĐ-HĐTT

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thi và xác định người trúng tuyển
Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp,
Kiểm sát viên sơ cấp đợt 2 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TUYỂN KIỂM SÁT VIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-VKSTC ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành Quy chế thi tuyển Kiểm sát viên sơ cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên cao cấp;

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-VKSTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc tổ chức thi tuyển Kiểm sát viên sơ cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên cao cấp ngành Kiểm sát năm 2022;

Xét đề nghị của Hội đồng thi tuyển Kiểm sát viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi của 1.573 người dự thi và xác định 616 người đã trúng tuyển Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp đợt 2 năm 2022 (có danh sách kết quả thi và xác định người trúng tuyển kèm theo).

Điều 2. Hội đồng thi tuyển Kiểm sát viên, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính Viện kiểm sát nhân dân tối cao và người dự thi có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hội đồng thi tuyển KSV;
- Lưu: VT, V15.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Trí**

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI
TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN KIỂM SÁT VIÊN CAO CẤP NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: 71/QĐ-HĐTT ngày 10/4/2023 của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển Kiểm sát viên)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO								
1	Nguyễn Xuân Hường	24/8/1978		Phó Vụ trưởng Vụ 14, VKSNDTC	80	100	260	Trúng tuyển
2	Nguyễn Nhật Tuấn	17/12/1974		Trưởng phòng Vụ 3, VKSNDTC	75	96	246	Trúng tuyển
3	Dương Mạnh Hoàng	18/10/1974		Trưởng phòng Vụ 3, VKSNDTC	75	94	244	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Hồng Vân		10/3/1970	Phó Trưởng phòng Vụ 3, VKSNDTC	79	84	242	Trúng tuyển
5	Nguyễn Đức Hùng	16/4/1974		Phó Chánh Văn phòng VKSNDTC	74	92	240	Trúng tuyển
6	Phạm Thị Vân Anh		02/11/1977	Phó Trưởng phòng Vụ 2, VKSNDTC	73	94	240	Trúng tuyển
7	Vũ Văn Tư	24/7/1983		Phó Chánh Văn phòng BCSĐ VKSNDTC	72	96	240	Trúng tuyển
8	Nguyễn Thị Hà		30/8/1976	Trưởng phòng Vụ 10, VKSNDTC	78	82	238	Trúng tuyển
9	Nguyễn Ngọc Ước	09/12/1981		Vụ 5, VKSNDTC	74	86	234	
10	Trần Thu Hằng		02/7/1977	Thanh tra VKSNDTC	72	88	232	
11	Nguyễn Thị Kim Cúc		30/11/1970	Phó Trưởng phòng Vụ 10, VKSNDTC	70	82	222	
12	Đỗ Thành Trường	19/3/1983		Trưởng phòng Cục 2, VKSNDTC	67	84	218	
13	Tạ Anh Tuấn	15/02/1969		Phó Trưởng phòng Vụ 7, VKSNDTC	65	80	210	
14	Nguyễn Thị Hạnh		19/4/1978	Phó Trưởng phòng Vụ 12, VKSNDTC	61	88	210	
15	Vũ Quý Lâm	17/8/1969		Vụ 8, VKSNDTC	61	82	204	
16	Lưu Hoàng Tuấn	30/8/1975		Vụ 3, VKSNDTC	60	84	204	
17	Đỗ Nguyệt Quế	23/8/1982		Phó Cục trưởng Cục 2, VKSNDTC	61	80	202	
18	Đào Lê Văn	02/12/1981		Vụ 3, VKSNDTC	59	80	198	
19	Nguyễn Văn Huy	10/3/1967		Vụ 10, VKSNDTC	60	76	196	
20	Hà Duy Thảo	19/12/1981		Phó Trưởng phòng Vụ 4, VKSNDTC	58	78	194	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
21	Nguyễn Thanh Huyền		23/01/1980	Vụ 9, VKSNDTC	57	80	194	
22	Bùi Thị Thu Hằng		16/8/1973	Phó Trưởng phòng Văn phòng VKSNDTC	55	84	194	
23	Trần Thị Nét		21/11/1977	Vụ 3, VKSNDTC	64	64	192	
24	Bùi Thị Tú Oanh		05/8/1976	Trưởng phòng Vụ 8, VKSNDTC	57	78	192	
25	Nguyễn Thị Nương		23/10/1981	Phó Trưởng phòng Vụ 2, VKSNDTC	54	84	192	
26	Nguyễn Xuân Lưu	22/8/1978		Phó Trưởng phòng Vụ 5, VKSNDTC	50	92	192	
27	Hà Thị Thu Huệ		09/9/1973	Phó Trưởng phòng Vụ 6, VKSNDTC	56	78	190	
28	Trần Kim Quy		06/5/1976	Phó Trưởng phòng Thanh tra VKSNDTC	56	78	190	
29	Vũ Thị Thu Hường		27/8/1974	Vụ 7, VKSNDTC	56	76	188	
30	Phạm Thị Thu		03/02/1975	Phó Trưởng phòng Vụ 9, VKSNDTC	54	80	188	
31	Nguyễn Thị Hằng Hạnh		27/7/1979	Phó Trưởng phòng Vụ 12, VKSNDTC	53	82	188	
32	Nguyễn Thị Thu Hương		01/01/1976	Trưởng phòng Vụ 6, VKSNDTC	55	76	186	
33	Mai Thị Xuân Hồng		02/01/1981	Phó Trưởng phòng Thanh tra VKSNDTC	50	86	186	
34	Ngô Thị Xuân Huyền		21/6/1982	Trưởng phòng Vụ 16, VKSNDTC	52	78	182	
35	Nông Xuân Trường	18/6/1974		Vụ 3, VKSNDTC	52	78	182	
36	Đinh Tuấn Anh	20/7/1974		Vụ 9, VKSNDTC	51	80	182	
37	Nguyễn Thị Việt Chung		12/7/1977	Phó Trưởng phòng Vụ 10, VKSNDTC	50	80	180	
38	Lê Chí Dũng	27/5/1973		Phó Trưởng phòng Vụ 4, VKSNDTC	52	72	176	
39	Nguyễn Đăng Lâm	11/12/1979		Vụ 5, VKSNDTC	50	76	176	
40	Phạm Hải Xuân		13/06/1978	Trưởng phòng Vụ 11, VKSNDTC	50	76	176	
41	Bùi Trung Thành	16/9/1978		Phó Trưởng phòng Vụ 8, VKSNDTC	45	86	176	
42	Nguyễn Khánh Nam	08/8/1975		Vụ 3, VKSNDTC	50	74	174	
43	Nguyễn Đức Long	06/5/1980		Vụ 3, VKSNDTC	50	70	170	
44	Phạm Thị Quyên		26/6/1980	Văn phòng VKSNDTC	50	70	170	
45	Phạm Thị Thu Hương		13/3/1978	Vụ 6, VKSNDTC	40	90	170	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
46	Bùi Minh Học	06/3/1972		Vụ 11, VKSNDTC	52	64	168	
47	Nguyễn Tiến Trung	09/7/1980		Vụ 4, VKSNDTC	55	56	166	
48	Nguyễn Văn Đông	28/3/1977		Phó Trưởng phòng Vụ 3, VKSNDTC	50	64	164	
49	Trần Tùng Lâm	28/11/1974		Phó Trưởng phòng Vụ 8, VKSNDTC	45	74	164	
50	Lưu Tiến Độ	01/3/1972		Phó Trưởng phòng Vụ 7, VKSNDTC	45	72	162	
51	Nguyễn Hà Tuyên	22/3/1964		Vụ 10, VKSNDTC	50	58	158	
52	Đỗ Thị Hồng Vân		23/10/1975	Phó Trưởng phòng Vụ 1, VKSNDTC	64	22	150	

VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ

1	Nguyễn Thế Tùng	05/01/1978		VKSQS KV43	70	66	206	Trúng tuyển
2	Vũ Văn Thong	30/3/1974		VKSQS Trung ương	60	70	190	Trúng tuyển
3	Trần Trung Hiếu	19/8/1977		Phó Viện trưởng VKSQS QK7	52	82	186	Trúng tuyển
4	Dương Thanh Tùng	20/7/1971		Phó Trưởng phòng VKSQS Trung ương	54	76	184	Trúng tuyển
5	Thân Như Thành	18/5/1972		Viện trưởng VKSQS KV TĐHN	50	84	184	Trúng tuyển
6	Nguyễn Quốc Viên	15/6/1979		VKSQS Trung ương	50	70	170	Trúng tuyển
7	Nguyễn Hiền Khanh	15/01/1974		Trưởng Ban VKSQS QK9	52	80	184	Trúng tuyển
8	Nguyễn Huy Hoàng	27/12/1975		Viện trưởng VKSQS KV1 BĐBP	46	68	160	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1	Trần Đăng Ry	10/11/1973		VKSND cấp cao 3	69	78	216	Trúng tuyển
2	Lê Công Thành	27/3/1975		Phó Trưởng phòng VKSND cấp cao 3	65	84	214	Trúng tuyển
3	Hà Văn Hiến	01/3/1970		VKSND tỉnh Bình Phước	63	88	214	
4	Trịnh Thị Hoàng Lan		30/11/1979	VKSND cấp cao 3	65	78	208	
5	Đặng Quốc Hoàng	14/8/1982		VKSND cấp cao 3	59	88	206	
6	Trần Thị Huệ		10/9/1980	VKSND cấp cao 3	59	82	200	
7	Nguyễn Đình Nam	28/12/1972		VKSND cấp cao 3	58	72	188	
8	Nguyễn Anh Thìn	12/5/1976		VKSND cấp cao 3	60	68	188	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
9	Nguyễn Anh Thương	09/01/1982		VKSND cấp cao 3	51	86	188	
10	Đỗ Xuân Lượng	02/8/1975		VKSND cấp cao 3	55	72	182	
11	Đỗ Thị Trang		12/01/1981	VKSND cấp cao 3	51	74	176	
12	Lê Tấn Cường	12/3/1982		VKSND cấp cao 3	48	76	172	
13	Đình Hữu Trí	25/4/1980		Phó Trưởng phòng VKSND cấp cao 3	45	82	172	
14	Lâm Phước Hường	03/01/1967		VKSND cấp cao 3	47	66	160	
15	Lê Nguyệt Hà		14/3/1978	Phó Trưởng phòng VKSND cấp cao 3	50	58	158	

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI
TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN KIỂM SÁT VIÊN TRUNG CẤP NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: 71/QĐ-HĐTT ngày 10/4/2022 của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển Kiểm sát viên)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO								
1	Trần Đình Hải	13/6/1985		Vụ 2, VKSNDTC	82	94	258	Trúng tuyển
2	Đinh Hoàng Quang	02/8/1986		Thư ký Viện trưởng VKSNDTC	80	94	254	Trúng tuyển
3	Quách Quỳnh Dung		23/8/1988	Vụ 4, VKSNDTC	83	78	244	Trúng tuyển
4	Nguyễn Quỳnh Anh		04/3/1987	Vụ 7, VKSNDTC	82	78	242	Trúng tuyển
5	Nguyễn Thị Minh Hiền		01/9/1989	Vụ 3, VKSNDTC	78	86	242	Trúng tuyển
6	Thái Thị Dung		04/5/1980	Vụ 2, VKSNDTC	80	78	238	Trúng tuyển
7	Nguyễn Thị Ánh Huyền		01/10/1986	VPĐU, VKSNDTC	69	100	238	Trúng tuyển
8	Nguyễn Đình Thắng	20/6/1989		Thanh tra VKSNDTC	75	88	238	Trúng tuyển
9	Phạm Thùy Dương		06/8/1986	Vụ 13, VKSNDTC	81	72	234	
10	Lê Việt Hùng	05/9/1982		Vụ 10, VKSNDTC	77	78	232	
11	Bùi Thanh Hằng		27/5/1987	Vụ 3, VKSNDTC	81	66	228	
12	Nguyễn Thị Hoà		30/6/1986	Vụ 10, VKSNDTC	64	96	224	
13	Cần Thị Hằng		09/01/1989	Vụ 15, VKSNDTC	67	88	222	
14	Nguyễn Thị Huyền Trang		04/3/1988	Phó Trưởng phòng Vụ 14, VKSNDTC	66	90	222	
15	Phạm Thị An Mây		02/9/1988	Vụ 9, VKSNDTC	66	88	220	
16	Nguyễn Công Cường	23/11/1988		Vụ 2, VKSNDTC	60	94	214	
17	Đinh Thị Minh Cẩm		20/11/1988	Vụ 8, VKSNDTC	71	70	212	
18	Nguyễn Thanh Hương		25/01/1989	Vụ 5, VKSNDTC	65	82	212	
19	Nguyễn Trung Kiên	18/3/1985		Vụ 5, VKSNDTC	63	82	208	
20	Trần Thị Lan		04/3/1973	Phó Trưởng phòng Thanh tra VKSNDTC	69	70	208	
21	Phùng Lan Anh		11/12/1985	Vụ 1, VKSNDTC	64	78	206	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
22	Bùi Diệu Linh		14/5/1987	Vụ 12, VKSNDTC	60	86	206	
23	Nguyễn Thị Thu Hiền		22/8/1987	Vụ 2, VKSNDTC	71	62	204	
24	Đỗ Thị Huyền		10/5/1984	Vụ 10, VKSNDTC	60	84	204	
25	Nguyễn Văn Thiện	17/4/1989		Vụ 1, VKSNDTC	61	82	204	
26	Nguyễn Thị Bích Ngọc		19/11/1989	Thanh tra VKSNDTC	60	82	202	
27	Nguyễn Hồng Quân	06/7/1989		Vụ 8, VKSNDTC	57	88	202	
28	Nguyễn Thị Phương		27/9/1982	Vụ 15, VKSNDTC	65	70	200	
29	Nguyễn Thị Hương		20/3/1987	Vụ 16, VKSNDTC	61	76	198	
30	Nguyễn Văn Tuyến	21/8/1988		Vụ 11, VKSNDTC	59	78	196	
31	Nguyễn Thành Chung	10/10/1987		Vụ 1, VKSNDTC	52	90	194	
32	Lã Thị Thu Thủy		07/10/1978	Phó Trưởng phòng Vụ 5, VKSNDTC	60	74	194	
33	Đỗ Thị Bích Hồng		02/7/1984	Vụ 15, VKSNDTC	56	78	190	
34	Nguyễn Thị Huệ		05/9/1987	Vụ 1, VKSNDTC	52	86	190	
35	Nguyễn Nhật Lệ		13/9/1989	Vụ 8, VKSNDTC	57	76	190	
36	Phạm Xuân Khoa	02/01/1985		Vụ 7, VKSNDTC	53	80	186	
37	Đào Lan Anh		19/3/1986	Vụ 8, VKSNDTC	52	80	184	
38	Nguyễn Duy Quang	28/01/1986		Vụ 7, VKSNDTC	59	62	180	
39	Vũ Hoàng	29/11/1988		Vụ 8, VKSNDTC	50	74	174	
40	Trần Tuấn Anh	24/3/1971		Vụ 8, VKSNDTC	50	72	172	
41	Đào Văn Tuấn	29/4/1975		Vụ 2, VKSNDTC	50	72	172	
42	Phạm Bích Liên		24/10/1987	Vụ 6, VKSNDTC	50	70	170	
43	Nguyễn Như Quỳnh		15/4/1985	Cục 2, VKSNDTC	50	68	168	
44	Vũ Chí Toàn	26/8/1987		Vụ 7, VKSNDTC	44	80	168	
45	Nguyễn Thị Hương		07/11/1988	Vụ 14, VKSNDTC	55	56	166	
46	Dương Viết Nghĩa	10/02/1986		Trưởng phòng Văn phòng VKSNDTC	42	78	162	
47	Nguyễn Thanh Hoa		06/8/1985	Vụ 16, VKSNDTC	45	70	160	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
48	Phạm Thị Bích Thảo		06/02/1978	Vụ 12, VKSNDTC	50	60	160	
49	Lương Văn Công	10/3/1985		Trưởng phòng Văn phòng VKSNDTC	45	68	158	
50	Nguyễn Trường Sơn	28/12/1974		Vụ 8, VKSNDTC	44	60	148	
51	Ngô Thị Thanh Xuân		01/02/1982	Cục 2, VKSNDTC	34	74	142	
52	Lý Quỳnh Dương	30/4/1968		Phó Trưởng phòng Vụ 10, VKSNDTC	37	64	138	
53	Phan Quốc Bình	01/11/1983		Giám đốc Nhà khách Văn phòng VKSNDTC	33	68	134	
VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ								
1	Nguyễn Thị Huân		08/5/1986	VKSQS KV32	76	86	238	Trúng tuyển
2	Trương Thanh Phong	13/12/1984		VKSQS QK7	75.5	86	237	Trúng tuyển
3	Nguyễn Quốc Phong	21/01/1985		VKSQS KV52	72	90	234	Trúng tuyển
4	Phạm Minh Trường	09/9/1986		Trưởng Ban VKSQS QK7	72	84	228	Trúng tuyển
5	Đặng Minh Phương	06/11/1984		VKSQS KV93 QK9	71	84	226	Trúng tuyển
6	Nguyễn Trung Đăng	10/02/1984		Phó Viện trưởng VKSQS KV2 QCHQ	72	74	218	Trúng tuyển
7	Nguyễn Thị Thu Phượng		16/9/1989	Phó Viện trưởng VKSQS KV33	64	88	216	Trúng tuyển
8	Phạm Khắc Hoan	15/11/1989		VKSQS KV43	65	82	212	Trúng tuyển
9	Lê Đức Anh	03/02/1987		Phó Viện trưởng VKSQS KV41	62	86	210	Trúng tuyển
10	Nguyễn Trung Hiếu	03/8/1990		VKSQS KV51	60	88	208	Trúng tuyển
11	Hoàng Thuý Trung	09/9/1976		VKSQS KV52	60	80	200	Trúng tuyển
12	Đỗ Thị Quyên		21/7/1988	VKSQS KV1 QCHQ	66	64	196	Trúng tuyển
13	Tôn Thất Phúc Thanh	23/8/1980		VKSQS KV53	62	72	196	Trúng tuyển
14	Nguyễn Lưu Bình	04/5/1987		VKSQS KV52	51	94	196	Trúng tuyển
15	Lê Tú	10/10/1982		VKSQS QK7	53	88	194	Trúng tuyển
16	Đặng Thế Hùng	04/02/1980		Phó Viện trưởng VKSQS KV42	50	88	188	Trúng tuyển
17	Trần Phương Thanh		03/6/1988	Phó Viện trưởng VKSQS KV2 QC PKKQ	52	78	182	Trúng tuyển
18	Nguyễn Mạnh Hùng	26/01/1987		VKSQS BDBP	57	66	180	Trúng tuyển
19	Ngô Văn Tú	05/8/1978		VKSQS KV1 QCHQ	50	60	160	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI								
1	Trần Thị Thùy Linh		02/11/1989	VKSND cấp cao 1	83	82	248	Trúng tuyển
2	Trần Thị Huyền Thương		14/8/1989	VKSND cấp cao 1	74	84	232	
3	Hà Thị Bích Thảo		11/12/1988	VKSND cấp cao 1	74	78	226	
4	Mai Thị Thủy		10/10/1986	VKSND cấp cao 1	71	82	224	
5	Đậu Thị Ngọc Hà		27/12/1988	VKSND cấp cao 1	71	80	222	
6	Nguyễn Thị Tư		20/5/1989	VKSND cấp cao 1	75	66	216	
7	Phan Thị Thu Thủy		15/8/1985	VKSND cấp cao 1	64	88	216	
8	Hoàng Tổ Nguyên		17/5/1986	VKSND cấp cao 1	57	86	200	
9	Phạm Minh Huân	15/9/1989		Phó Trưởng phòng VKSND cấp cao 1	59	80	198	
10	Nguyễn Thu Huyền		10/7/1988	VKSND cấp cao 1	58	82	198	
11	Trần Quang Đạt	23/8/1982		VKSND cấp cao 1	69	58	196	
12	Cao Thị Duyên		08/8/1989	VKSND cấp cao 1	66	58	190	
13	Nguyễn Thị Huyền Trang		25/10/1989	VKSND cấp cao 1	65	58	188	
14	Nguyễn Thị Thanh Nga		25/02/1989	VKSND cấp cao 1	56	74	186	
15	Phạm Thị Kiều My		15/5/1989	VKSND cấp cao 1	58	68	184	
16	Lâm Thị Liên		02/4/1984	VKSND cấp cao 1	53	76	182	
17	Khổng Duy Hiếu	05/10/1983		VKSND cấp cao 1	50	80	180	
18	Nguyễn Anh Thư		25/3/1977	VKSND cấp cao 1	57	56	170	
19	Nguyễn Đức Tế	11/4/1987		VKSND cấp cao 1	50	70	170	
20	Nguyễn Đình Thẩm	20/10/1983		VKSND cấp cao 1	52	54	158	
21	Lê Thanh Nghị	20/11/1981		VKSND cấp cao 1	40	52	132	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH								
1	Phạm Thị Huê		19/8/1988	VKSND cấp cao 3	80	80	240	Trúng tuyển
2	Trần Thị Thùy		01/10/1989	VKSND cấp cao 3	71	84	226	Trúng tuyển
3	Đinh Thị Hương Dịu		16/7/1988	VKSND cấp cao 3	65	90	220	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
4	Nguyễn Quang Thùy	09/11/1986		VKSND cấp cao 3	67	86	220	
5	Nguyễn Thị Ngọc Diệu		06/10/1989	VKSND cấp cao 3	65	86	216	
6	Đoàn Thị Ánh Ngọc		31/10/1988	VKSND cấp cao 3	62	88	212	
7	Nguyễn Thị Mười Hiền		21/4/1980	VKSND cấp cao 3	60	82	202	
8	Lê Thị Trúc Phượng		22/10/1989	VKSND cấp cao 3	58	86	202	
9	Trương Vũ Tùng	16/9/1984		VKSND cấp cao 3	57	82	196	
10	Chữ Thị Định		18/12/1987	VKSND cấp cao 3	50	88	188	
11	Phạm Thị Kim Ngân		18/4/1989	VKSND cấp cao 3	50	86	186	
12	Đặng Thị Phương Thảo		15/8/1989	VKSND cấp cao 3	51	84	186	
13	Nguyễn Hoàng Anh	27/4/1979		VKSND cấp cao 3	53	76	182	
14	Mai Hữu Hào	03/4/1987		VKSND cấp cao 3	54	74	182	
15	Nguyễn Đức Minh	15/10/1981		VKSND cấp cao 3	50	80	180	
16	Hồ Thị Huệ Sương		20/10/1980	VKSND cấp cao 3	51	74	176	
17	Trần Kim Ngân		24/11/1987	VKSND cấp cao 3	46	80	172	
18	Lê Anna Hiền		02/12/1978	VKSND cấp cao 3	50	68	168	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

1	Nguyễn Thị Nghĩa		24/02/1988	VKSND h.Yên Thế, Bắc Giang	69	78	216	Trúng tuyển
2	Nguyễn Đức Cường	18/6/1982		VKSND tỉnh Bắc Giang	76	56	208	Trúng tuyển
3	Nguyễn Văn Tuyển	22/6/1988		VKSND tỉnh Bắc Giang	63	82	208	Trúng tuyển
4	Trần Văn Mạnh	14/6/1987		VKSND h.Yên Dũng, Bắc Giang	65	62	192	
5	Trần Văn Trí	11/01/1978		VKSND TP.Bắc Giang, Bắc Giang	55	74	184	
6	Thân Mạnh Thắng	28/4/1985		VKSND tỉnh Bắc Giang	51	66	168	
7	Nguyễn Việt Anh	31/8/1982		VKSND tỉnh Bắc Giang	38	76	152	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

1	Nông Quốc Hoàn	29/7/1983		Phó Viện trưởng VKSND h.Điện Biên, tỉnh Điện Biên	63	84	210	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
---	----------------	-----------	--	---	----	----	-----	--------------------------------------

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
2	Nguyễn Ngọc Kiên	06/4/1988		Phó Viện trưởng VKSND h.Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	75	70	220	Trúng tuyển Đăng ký thi chỉ tiêu VKSND tỉnh
3	Đỗ Thành Đạt	13/10/1984		VKSND h.Điện Biên, tỉnh Điện Biên	62	88	212	Trúng tuyển
4	Bùi Trọng Thắng	02/6/1990		Phó Chánh VP VKSND tỉnh Điện Biên	61	88	210	Trúng tuyển
5	Lê Thanh Nghị	24/11/1989		Phó Viện trưởng VKSND TP.Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	57	72	186	
6	Hoàng Đức Thái	16/5/1988		VKSND h.Điện Biên, tỉnh Điện Biên	57	64	178	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1	Phạm Sỹ Nguyên	20/4/1980		Phó Viện trưởng VKSND h.Thanh Trì, TP Hà Nội	77	94	248	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
2	Nguyễn Thị Đoàn Trang		03/5/1978	Phó Viện trưởng VKSND q.Long Biên, TP Hà Nội	76	96	248	
3	Lý Thị Mai Phương		14/3/1987	VKSND TP.Hà Nội	76	94	246	Trúng tuyển
4	Phạm Thị Mai		19/8/1977	VKSND q.Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	79	76	234	Trúng tuyển
5	Nguyễn Thị Huyền Trang		18/11/1988	VKSND h.Thường Tín, TP Hà Nội	72	86	230	Trúng tuyển
6	Nguyễn Bích Thủy		22/11/1982	VKSND TP.Hà Nội	71	82	224	Trúng tuyển
7	Nguyễn Thu Dung		05/10/1989	VKSND TP.Hà Nội	73	76	222	Trúng tuyển
8	Bùi Thị Thùy Ninh		30/9/1989	VKSND TP.Hà Nội	65	92	222	Trúng tuyển
9	Bùi Vũ Ngọc Trang		12/9/1986	VKSND TP.Hà Nội	66	88	220	Trúng tuyển
10	Lã Thị Anh Hoa		25/01/1988	VKSND TP.Hà Nội	67	84	218	Trúng tuyển
11	Nguyễn Thị Hà Phương		23/4/1988	VKSND TP.Hà Nội	65	80	210	Trúng tuyển
12	Hoàng Thị Hồng Chiêm		16/11/1982	VKSND TP.Hà Nội	71	66	208	Trúng tuyển
13	Đặng Thị Sơn Cầm		02/9/1985	VKSND TP.Hà Nội	58	88	204	Trúng tuyển
14	Ngô Minh Hùng	25/7/1987		VKSND TP.Hà Nội	58	84	200	Trúng tuyển
15	Nguyễn Văn Mạnh	12/10/1984		Phó Viện trưởng VKSND q.Cầu Giấy, Hà Nội	70	66	206	
16	Vũ Anh Tuấn	16/10/1979		VKSND TP.Hà Nội	59	80	198	
17	Tôn Nữ Ngọc Trâm		11/3/1989	VKSND TP.Hà Nội	65	66	196	
18	Nguyễn Thùy Linh		20/01/1987	VKSND TP.Hà Nội	56	84	196	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
19	Vũ Thị Phương Thảo		30/10/1974	VKSND TP.Hà Nội	57	80	194	
20	Dương Minh Thu		09/3/1989	VKSND TP.Hà Nội	55	82	192	
21	Nguyễn Văn Vũ	01/9/1977		Phó Viện trưởng VKSND h.Ứng Hòa, Hà Nội	59	72	190	
22	Trần Quang Hiếu	11/3/1979		VKSND TP.Hà Nội	55	76	186	
23	Công Thị Ngọc		09/7/1974	VKSND TP.Hà Nội	56	70	182	
24	Trần Thị Thanh Huyền		05/6/1980	VKSND TP.Hà Nội	58	64	180	
25	Hồ Thị Khuyên		08/7/1987	VKSND TP.Hà Nội	51	72	174	
26	Nguyễn Anh Tấn	01/12/1972		Phó Viện trưởng VKSND h.Phú Xuyên, TP Hà Nội	50	72	172	
27	Trịnh Trung Kiên	14/9/1988		VKSND TP.Hà Nội	52	66	170	
28	Nguyễn Thị Cúc		03/10/1973	VKSND h.Quốc Oai, Hà Nội	46	70	162	
29	Phạm Thị Ngọc Minh		14/7/1979	VKSND TP.Hà Nội	54	50	158	
30	Khuất Thu Hương		20/7/1989	VKSND h.Phúc Thọ, TP Hà Nội	43	68	154	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH								
1	Nguyễn Xuân Định	10/5/1977		Viện trưởng VKSND h.Lộc Hà, Hà Tĩnh	56	70	182	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN								
1	Đào Đức Độ	07/02/1988		VKSND h.Tiên Lữ, Hưng Yên	78	92	248	Trúng tuyển
2	Nguyễn Mạnh Hà	11/12/1986		VKSND h.Tiên Lữ, Hưng Yên	70	80	220	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Ngọc Anh		09/5/1987	VKSND h.Phù Cừ, Hưng Yên	62	88	212	
4	Nguyễn Thị Yến		08/11/1983	VKSND h.Kim Động, Hưng Yên	58	64	180	
5	Cao Việt Dũng	04/9/1987		VKSND tỉnh Hưng Yên	57	62	176	
6	Trần Thị Yến		31/8/1979	VKSND TP.Hưng Yên, Hưng Yên	28	78	134	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU								
1	Nguyễn Viết Tuấn	02/10/1985		Phó Viện trưởng VKSND h.Sìn Hồ, Lai Châu	59	84	202	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
2	Nguyễn Hữu Toàn	20/01/1988		VKSND tỉnh Lai Châu	66	74	206	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
3	Nguyễn Thị Dịu		02/8/1977	Phó Viện trưởng VKSND TP.Lai Châu, tỉnh Lai Châu	50	72	172	Trúng tuyển Đăng ký thi chỉ tiêu VKSND tỉnh
4	Ngô Thị Nguyên		29/7/1981	VKSND tỉnh Lai Châu	51	52	154	Trúng tuyển
5	Nguyễn Văn Thanh	16/10/1985		Phó Viện trưởng VKSND h.Mường Tè, Lai Châu	62	74	198	
6	Nguyễn Bá Đoàn	18/10/1983		Phó Viện trưởng VKSND h.Nậm Nhùn, Lai Châu	51	92	194	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

1	Nguyễn Thị Hậu		12/12/1984	Phó Viện trưởng VKSND TX.Thái Hòa, Nghệ An	70	76	216	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
2	Lê Hữu Lâm	01/01/1976		VKSND tỉnh Nghệ An	75	78	228	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Hiền Lương		02/09/1988	VKSND tỉnh Nghệ An	70	86	226	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Soa		21/5/1987	VKSND tỉnh Nghệ An	61	84	206	Trúng tuyển
5	Trần Thị Quỳnh Hoa		30/01/1974	VKSND tỉnh Nghệ An	74	56	204	Trúng tuyển
6	Dương Thị Hằng		19/05/1987	Phó Viện trưởng VKSND h.Nghĩa Đàn, Nghệ An	65	78	208	
7	Vương Anh Đào	22/7/1976		Phó Viện trưởng VKSND h.Tân Kỳ, Nghệ An	70	58	198	
8	Cao Thị Hải Long		09/01/1987	VKSND tỉnh Nghệ An	70	56	196	
9	Trương Thành Công	01/06/1980		Phó Viện trưởng VKSND h.Tân Kỳ, Nghệ An	63	68	194	
10	Phạm Mạnh Hùng	12/06/1987		Phó Chánh VP VKSND tỉnh Nghệ An	60	74	194	
11	Trần Thị Huyền Trang		15/5/1986	Phó Viện trưởng VKSND h.Quỳ Hợp, Nghệ An	54	84	192	
12	Hoàng Thị Bích Hợp		01/01/1988	VKSND tỉnh Nghệ An	62	66	190	
13	Hoàng Thị Thanh		28/10/1986	VKSND tỉnh Nghệ An	64	60	188	
14	Hoàng Bá Thọ	23/10/1974		Phó Viện trưởng VKSND h.Nghĩa Đàn, Nghệ An	61	56	178	
15	Hồ Văn Nam	20/4/1985		Phó Viện trưởng VKSND h.Yên Thành, Nghệ An	59	56	174	
16	Trương Như Hạnh	30/04/1976		VKSND tỉnh Nghệ An	55	64	174	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
17	Đậu Công Hữu	10/04/1979		Phó Viện trưởng VKSND h.Nam Đàn, Nghệ An	57	54	168	
18	Vũ Thị Ngân		07/07/1979	Phó Viện trưởng VKSND h.Yên Thành, Nghệ An	49	62	160	
19	Nguyễn Đình Thái	08/01/1975		Phó Viện trưởng VKSND TX.Hoàng Mai, Nghệ An	53	48	154	
20	Văn Thị Phương Dung		24/5/1986	VKSND tỉnh Nghệ An	42	70	154	
21	Nguyễn Thị Huyền Trang		31/01/1988	VKSND tỉnh Nghệ An	50	50	150	
22	Tạ Quang Hiếu	20/9/1978		VKSND tỉnh Nghệ An	38	54	130	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH								
1	Đinh Thị Thu Hà		21/7/1973	Viện trưởng VKSND h.Kim Bôi, Hòa Bình	50	62	162	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG								
1	Vũ Thị Mai Hương		25/09/1975	Viện trưởng VKSND h.Cát Hải, Hải Phòng	50	82	182	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Đặng Minh Phương		29/07/1987	VKSND TP.Hải Phòng	82	84	248	Trúng tuyển
3	Vũ Thị Trang Nhung		20/08/1981	VKSND TP.Hải Phòng	56	76	188	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Thu Mong		11/11/1985	VKSND TP.Hải Phòng	51	84	186	
5	Đào Thị Lan Phương		23/05/1985	VKSND TP.Hải Phòng	52	76	180	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG								
1	Hoàng Thu Hằng		20/12/1988	VKSND TP.Cao Bằng, Cao Bằng	65	72	202	Trúng tuyển
2	Trần Thị Bích Nga		27/7/1989	VKSND h.Hòa An, Cao Bằng	58	80	196	
3	Nông Thùy Diệu		18/01/1981	VKSND h.Nguyên Bình, Cao Bằng	40	68	148	
4	Hoàng Văn Giang	18/7/1989		VKSND h.Hà Quảng, Cao Bằng	31	68	130	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN								
1	Lương Vĩnh Nguyên	19/3/1985		Viện trưởng VKSND h.Bắc Sơn, Lạng Sơn	60	86	206	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Hà Xuân Hương		25/9/1970	Viện trưởng VKSND h.Bình Gia, Lạng Sơn	51	64	166	
3	Hoàng Thị Loan		30/12/1989	VKSND tỉnh Lạng Sơn	72	84	228	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
4	Trần Thị Hoàng Thái		14/7/1987	VKSND TP.Lạng Sơn, Lạng Sơn	65	84	214	
5	Đào Thị Minh Anh		13/8/1979	VKSND tỉnh Lạng Sơn	61	80	202	
6	Lê Thị Khanh		18/7/1988	VKSND TP.Lạng Sơn, Lạng Sơn	60	70	190	
7	Nguyễn Thị Phương Mai		07/12/1990	VKSND tỉnh Lạng Sơn	54	82	190	
8	Phạm Hương Thủy		03/7/1982	VKSND h.Cao Lộc, Lạng Sơn	53	70	176	
9	Lê Chí Hiếu	01/01/1980		VKSND TP.Lạng Sơn, Lạng Sơn	51	60	162	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI								
1	Trần Thị Kim Dung		08/4/1974	Viện trưởng VKSND h.Si Ma Cai, Lào Cai	53	78	184	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Lò Thị Hoa		01/3/1986	VKSND tỉnh Lào Cai	57	78	192	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH								
1	Hoàng Đắc Vãn	27/9/1988		VKSND tỉnh Bắc Ninh	43	88	174	
2	Đặng Thanh Minh	08/6/1979		VKSND h.Quế Võ, Bắc Ninh	45	72	162	
3	Trần Việt Yên	20/12/1968		VKSND tỉnh Bắc Ninh	37	88	162	
4	Hồ Thị Lê		28/01/1979	VKSND TP.Bắc Ninh, Bắc Ninh	32	58	122	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH								
1	Đỗ Thị Hương Giang		05/11/1978	Phó Viện trưởng VKSND h.Mỹ Lộc, Nam Định	71	88	230	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
2	Thiều Thị Lan Anh		15/12/1987	VKSND h.Mỹ Lộc, Nam Định	80	84	244	Trúng tuyển
3	Trần Hoàng Phụng		13/9/1987	VKSND tỉnh Nam Định	69	82	220	Trúng tuyển
4	Nguyễn Ngọc Tình	08/3/1976		Phó Viện trưởng VKSND h.Nghĩa Hưng, Nam Định	69	78	216	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA								
1	Phạm Minh Lượng	09/02/1972		Viện trưởng VKSND h.Cẩm Thủy, Thanh Hóa	65	60	190	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Cao Văn Sơn	15/07/1976		Phó Viện trưởng VKSND h.Hoảng Hóa, Thanh Hóa	77	78	232	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
3	Lê Thị Thu Huyền		03/10/1987	VKSND tỉnh Thanh Hóa	81	90	252	Trúng tuyển
4	Nguyễn Duy Thi	19/08/1988		VKSND tỉnh Thanh Hóa	65	78	208	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
5	Trần Văn Việt	19/11/1970		Phó Viện trưởng VKSND h.Quảng Xương, Thanh Hóa	65	60	190	
6	Nguyễn Thị Thanh Bình		01/02/1975	VKSND tỉnh Thanh Hóa	45	84	174	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC								
1	Nguyễn Xuân Thùy		19/10/1985	VKSND tỉnh Vĩnh Phúc	77	90	244	Trúng tuyển
2	Lê Thị Bích Thảo		01/01/1989	VKSND tỉnh Vĩnh Phúc	68	82	218	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG								
1	Nguyễn Hồng Tư	01/10/1974		Phó Viện trưởng VKSND h.Yên Sơn, Tuyên Quang	61	70	192	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
2	Ma Thị Thắm		28/7/1989	VKSND h.Na Hang, Tuyên Quang	70	80	220	Trúng tuyển
3	Tạ Ngọc Dũng	27/5/1988		VKSND h.Na Hang, Tuyên Quang	78	62	218	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Huyền Trang		13/10/1989	VKSND h.Sơn Dương, Tuyên Quang	69	78	216	Trúng tuyển
5	Hoàng Thị Hải Vân		19/7/1989	VKSND TP.Tuyên Quang, Tuyên Quang	69	66	204	Trúng tuyển
6	Phạm Trung Hải	07/10/1988		VKSND h.Hàm Yên, Tuyên Quang	59	76	194	
7	Nông Thị Hương		29/01/1979	VKSND tỉnh Tuyên Quang	61	70	192	
8	Ma Công Liêu	24/8/1978		Phó Viện trưởng VKSND h.Hàm Yên, Tuyên Quang	63	64	190	
9	Trần Trọng An	16/12/1986		VKSND h.Hàm Yên, Tuyên Quang	57	74	188	
10	Phạm Thị Thu Hiền		08/10/1980	VKSND h.Yên Sơn, Tuyên Quang	57	74	188	
11	Ma Văn Tùng	22/6/1979		Phó Viện trưởng VKSND h.Chiêm Hóa, Tuyên Quang	57	72	186	
12	Vũ Phương Hà		20/5/1987	VKSND h.Hàm Yên, Tuyên Quang	60	60	180	
13	Nguyễn Quang Vinh	09/10/1969		VKSND tỉnh Tuyên Quang	37	66	140	
14	Ma Thị Kim		18/3/1981	Phó Viện trưởng VKSND h.Chiêm Hóa, Tuyên Quang	36	66	138	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG								
1	Nguyễn Ngọc Chiến	20/4/1972		Viện trưởng VKSND TP.Hà Giang, Hà Giang	51	66	168	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Hồ Đức Tuyên	20/3/1981		VKSND h.Quang Bình, Hà Giang	67	64	198	Trúng tuyển
3	Phùng Ngọc Minh		20/7/1988	VKSND TP.Hà Giang, Hà Giang	63	72	198	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
4	Dương Thùy Chi		27/11/1987	VKSND h.Vị Xuyên, Hà Giang	64	62	190	Trúng tuyển
5	Dư Văn Tuệ	11/4/1982		VKSND tỉnh Hà Giang	60	68	188	Trúng tuyển
6	Ấu Bá Lăng	28/02/1987		Phó Chánh VP VKSND tỉnh Hà Giang	50	66	166	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH								
1	Hoàng Hà Vĩnh Châm		02/5/1985	VKSND TP.Thái Bình, Thái Bình	79	86	244	Trúng tuyển
2	Lê Thị Huệ		26/10/1986	VKSND tỉnh Thái Bình	76	86	238	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Chung		20/12/1977	VKSND tỉnh Thái Bình	70	80	220	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Tổ Uyên		21/6/1988	VKSND tỉnh Thái Bình	65	84	214	
5	Trần Văn Tú	10/01/1988		VKSND tỉnh Thái Bình	58	76	192	
6	Bùi Quang Dương	27/5/1974		VKSND TP.Thái Bình, Thái Bình	59	72	190	
7	Vũ Văn Nam	19/10/1986		VKSND tỉnh Thái Bình	60	66	186	
8	Phạm Văn Nhất	17/9/1986		VKSND h.Tiền Hải, Thái Bình	60	62	182	
9	Lê Huy Tiến	06/7/1988		VKSND h.Vũ Thư, Thái Bình	55	72	182	
10	Phạm Thị Hoài		23/5/1985	VKSND h.Vũ Thư, Thái Bình	36	68	140	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ								
1	Đặng Nguyễn Hải Ninh		17/12/1986	VKSND h.Lâm Thao, Phú Thọ	79	88	246	Trúng tuyển
2	Nguyễn Quý Hằng		08/6/1983	VKSND tỉnh Phú Thọ	75	90	240	Trúng tuyển
3	Trần Thị Thu Trang		13/10/1986	VKSND tỉnh Phú Thọ	78	72	228	
4	Hoàng Thị Thùy		20/12/1985	Phó Chánh VP VKSND tỉnh Phú Thọ	63	94	220	
5	Đỗ Thị Bích Phượng		15/4/1988	VKSND TP.Việt Trì, Phú Thọ	68	70	206	
6	Võ Thị Thanh Thủy		12/02/1976	VKSND tỉnh Phú Thọ	50	64	164	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI								
1	Nguyễn Thị Lê Oanh		31/8/1987	VKSND TP.Yên Bái, Yên Bái	70	86	226	Trúng tuyển
2	Lộc Văn Mạnh	06/11/1978		VKSND h.Trần Yên, Yên Bái	50	58	158	Trúng tuyển
3	Vừ Thị Tình		10/02/1978	Viện trưởng VKSND h.Mù Cang Chải, Yên Bái	61	28	150	
4	Lương Thị Bích Liên		27/12/1969	Phó Chánh VP VKSND tỉnh Yên Bái	36	52	124	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG								
1	Phạm Thị Liên		06/8/1987	VKSND tỉnh Hải Dương	75	74	224	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Nhung		01/8/1989	VKSND TX.Kinh Môn, Hải Dương	62	78	202	Trúng tuyển
3	Tổng Thị Ngọc Ánh		01/10/1987	VKSND h.Cẩm Giàng, Hải Dương	61	74	196	Trúng tuyển
4	Lê Quang Vinh	25/6/1987		VKSND tỉnh Hải Dương	50	90	190	
5	Vũ Đình Phương	11/8/1986		VKSND h.Ninh Giang, Hải Dương	56	76	188	
6	Nguyễn Đức Lãng	03/01/1981		VKSND tỉnh Hải Dương	56	72	184	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA								
1	Phạm Quốc Cảnh	06/5/1985		Phó Viện trưởng VKSND TP.Sơn La, Sơn La	60	88	208	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
2	Trương Thị Nguyệt		28/02/1983	VKSND tỉnh Sơn La	70	96	236	Trúng tuyển
3	Hoàng Mạnh Dũng	27/8/1986		VKSND TP.Sơn La, Sơn La	65	72	202	Trúng tuyển
4	Tạ Văn Minh	26/11/1986		VKSND tỉnh Sơn La	63	74	200	Trúng tuyển
5	Lê Thị Ngọc Diệp		05/8/1989	VKSND tỉnh Sơn La	61	76	198	Trúng tuyển
6	Lường Thành Long	19/01/1987		Phó Viện trưởng VKSND h.Phù Yên, Sơn La	64	78	206	
7	Nguyễn Tiến Giang	26/6/1986		VKSND tỉnh Sơn La	48	78	174	
8	Hà Văn Thiều	06/02/1987		Phó Viện trưởng VKSND h.Mường La, Sơn La	47	80	174	
9	Lầu Bá Khải	14/8/1975		Phó Viện trưởng VKSND h.Sông Mã, Sơn La	60	44	164	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH								
1	Vũ Thị Minh Nguyệt		13/10/1985	VKSND TP.Ninh Bình, Ninh Bình	60	90	210	Trúng tuyển
2	Trần Thị Đào		18/11/1981	VKSND TP.Ninh Bình, Ninh Bình	58	86	202	
3	Đặng Xuân Tú	30/8/1984		VKSND h.Hoa Lư, Ninh Bình	60	62	182	
4	Phạm Công Hải	17/9/1985		VKSND h.Gia Viễn, Ninh Bình	53	76	182	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ								
1	Hồ Thị Đợi		04/11/1976	Phó Viện trưởng VKSND h.Hướng Hóa, Quảng Trị	67	88	222	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
2	Nguyễn Thị Nhi		15/9/1988	VKSND TP.Đông Hà, Quảng Trị	68	86	222	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
3	Nguyễn Thị Hoài Nam		08/6/1984	VKSND h.Triệu Phong, Quảng Trị	72	74	218	Trúng tuyển
4	Trương Thị Lâm Hương		02/9/1981	Phó Viện trưởng VKSND TP.Đông Hà, Quảng Trị	66	80	212	
5	Nguyễn Viết Tiến	23/11/1985		VKSND tỉnh Quảng Trị	65	74	204	
6	Thái Thị Thu Thủy		08/12/1988	Phó Viện trưởng VKSND h.Vĩnh Linh, Quảng Trị	65	72	202	
7	Trần Văn Dũng	11/11/1971		VKSND tỉnh Quảng Trị	60	76	196	
8	Nguyễn Văn Sỹ	28/5/1982		Phó Viện trưởng VKSND h.Gio Linh, Quảng Trị	52	64	168	
9	Nguyễn Thị Thành		14/5/1987	VKSND tỉnh Quảng Trị	50	66	166	
10	Phan Lê Thành	02/01/1973		Phó Viện trưởng VKSND h.Đakrông, Quảng Trị	45	70	160	
11	Trần Viết Thông	17/01/1972		Phó Viện trưởng VKSND h.Vĩnh Linh, Quảng Trị	47	58	152	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

1	Lê Tú Giang	18/9/1977		VKSND tỉnh An Giang	72	90	234	Trúng tuyển
2	Trần Quách Thịnh	20/11/1988		VKSND TX.Tân Châu, An Giang	68	90	226	Trúng tuyển
3	Hồ Nguyễn Thiết Bảnh	18/6/1989		VKSND h.An Phú, An Giang	60	86	206	
4	Phạm Hoàng Phong	08/5/1979		VKSND h.Tịnh Biên, An Giang	59	78	196	
5	Lưu Tiến Dũng	13/10/1985		VKSND h.Phú Tân, An Giang	55	58	168	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

1	Phạm Thị Nga		20/7/1986	VKSND tỉnh Bình Dương	62	86	210	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thắng Lợi	10/4/1984		VKSND tỉnh Bình Dương	55	78	188	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

1	Lê Thị Bé Tám		16/10/1971	Viện trưởng VKSND h.Mỏ Cây Nam, Bến Tre	55	80	190	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Nguyễn Thị Thu Thương		23/12/1981	VKSND h.Giồng Trôm, Bến Tre	75	92	242	Trúng tuyển
3	Nguyễn Khắc Phiên	18/7/1990		VKSND h.Bình Đại, Bến Tre	73	90	236	Trúng tuyển
4	Phan Thanh Vàng	25/3/1985		VKSND TP.Bến Tre, Bến Tre	66	90	222	Trúng tuyển
5	Phan Minh Hiếu	11/11/1978		VKSND TP.Bến Tre, Bến Tre	63	88	214	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
6	Phạm Hữu Thành	17/01/1984		VKSND h.Giồng Trôm, Bến Tre	62	90	214	
7	Phạm Minh Chí	19/9/1989		VKSND h.Châu Thành, Bến Tre	59	94	212	
8	Trần Thị Mộng		09/12/1987	VKSND h.Thanh Phú, Bến Tre	57	96	210	
9	Lê Thị Ràng		05/02/1985	VKSND TP.Bến Tre, Bến Tre	55	84	194	
10	Phạm Công Có	03/3/1988		VKSND h.Giồng Trôm, Bến Tre	53	86	192	
11	Phạm Trọng Vính	28/9/1987		VKSND h.Giồng Trôm, Bến Tre	52	88	192	
12	Lê Thanh Tùng	1974		VKSND h.Chợ Lách, Bến Tre	62	60	184	
13	Đỗ Thị Thu Ngà		21/3/1986	VKSND h.Châu Thành, Bến Tre	43	90	176	
14	Lê Văn Tâm	17/01/1984		VKSND h.Chợ Lách, Bến Tre	40	90	170	
15	Cao Hoàng Tĩnh	27/01/1967		Viện trưởng VKSND h.Chợ Lách, Bến Tre	40	88	168	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1	Nguyễn Thị Hòa		26/4/1987	VKSND q.Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	64	90	218	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thanh Trà		05/8/1982	VKSND q.Sơn Trà, Đà Nẵng	56	86	198	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

1	Đỗ Văn Huyền	28/8/1977		Viện trưởng VKSND h.Krông Nô, Đắk Nông	56	76	188	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Phan Duy Hùng	03/02/1987		VKSND tỉnh Đắk Nông	79	92	250	Trúng tuyển
3	Lê Thị Thanh Dung		18/10/1988	VKSND TP.Gia Nghĩa, Đắk Nông	72	88	232	
4	Nguyễn Thị Thúy Hằng		10/2/1987	VKSND tỉnh Đắk Nông	65	88	218	
5	Nguyễn Thị Hồng Nhung		25/11/1980	Phó Chánh VP VKSND tỉnh Đắk Nông	60	80	200	
6	Lê Thị Hằng		12/8/1985	VKSND tỉnh Đắk Nông	59	78	196	
7	Đào Thị Hằng		15/10/1987	VKSND tỉnh Đắk Nông	50	82	182	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

1	Dương Văn Khánh	25/4/1979		VKSND h.Nhon Trạch, Đồng Nai	63.5	72	199	Trúng tuyển
2	Phạm Văn Luật	09/9/1980		VKSND h.Tân Phú, Đồng Nai	50	74	174	Trúng tuyển
3	Trương Kim Quyết	28/3/1976		VKSND TP.Biên Hoà, Đồng Nai	51	70	172	Trúng tuyển
4	Đoàn Thị Hương		26/12/1976	VKSND TP.Biên Hoà, Đồng Nai	50	66	166	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
5	Nguyễn Thị Đông		19/01/1977	VKSND TP.Biên Hoà, Đồng Nai	42	70	154	
6	Trương Thị Liên		22/4/1983	VKSND h.Tân Phú, Đồng Nai	39	62	140	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG								
1	Nguyễn Thanh Bình	02/01/1983		VKSND TP.Đà Lạt, Lâm Đồng	73	80	226	Trúng tuyển
2	Đinh Thị Quyên		05/01/1985	VKSND TP.Đà Lạt, Lâm Đồng	65	74	204	Trúng tuyển
3	Tạ Văn Sơn	01/11/1980		Phó Viện trưởng VKSND h.Lâm Hà, Lâm Đồng	53	82	188	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM								
1	Hồ Thành Hoàn	08/9/1977		Viện trưởng VKSND h.Đông Giang, Quảng Nam	60	92	212	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Hồ Lập	01/01/1963		Viện trưởng VKSND h.Hiệp Đức, Quảng Nam	50	78	178	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
3	Đặng Văn Thảo	02/02/1970		Viện trưởng VKSND h.Tiên Phước, Quảng Nam	39	70	148	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI								
1	Nguyễn Thị Kim Yến		10/02/1989	VKSND tỉnh Quảng Ngãi	62	92	216	Trúng tuyển
2	Đinh Thị Thùy Trang		06/9/1990	VKSND TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	56	92	204	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Hà		22/01/1986	VKSND tỉnh Quảng Ngãi	65	72	202	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA								
1	Phan Ngọc Chiêu Quyên		12/4/1989	VKSND TP.Nha Trang, Khánh Hòa	79	86	244	Trúng tuyển
2	Phạm Thành Luân	15/9/1989		VKSND h.Diên Khánh, Khánh Hòa	77	82	236	Trúng tuyển
3	Bùi Thị Mỹ Phương		04/3/1989	VKSND TP.Nha Trang, Khánh Hòa	67	90	224	Trúng tuyển
4	Võ Thị Thái Bình		17/02/1981	VKSND tỉnh Khánh Hòa	64	86	214	
5	Huỳnh Tấn Hưng	25/4/1989		VKSND TP.Nha Trang, Khánh Hòa	59	94	212	
6	Nguyễn Thị Vân Anh		02/9/1987	VKSND TP.Nha Trang, Khánh Hòa	40	74	154	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI								
1	Hoàng Minh Chung	24/11/1980		Viện trưởng VKSND h.Chư Prông, Gia Lai	73	88	234	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Nguyễn Chí Đại	11/01/1981		Viện trưởng VKSND h.K'Bang, Gia Lai	62	84	208	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
3	Nguyễn Bá Khánh	16/10/1990		VKSND tỉnh Gia Lai	74	92	240	Trúng tuyển
4	Hoàng Hải Ly		11/04/1987	VKSND tỉnh Gia Lai	70	92	232	Trúng tuyển
5	Đinh Trọng Cường	05/4/1989		VKSND tỉnh Gia Lai	65	92	222	
6	Nguyễn Thị Thùy Trang		28/01/1987	VKSND tỉnh Gia Lai	68	80	216	
7	Phan Thị Mỹ Liệu		12/6/1980	VKSND tỉnh Gia Lai	45	64	154	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH								
1	Đoàn Thị Thủy Tiên		17/8/1985	VKSND TP.Tây Ninh, Tây Ninh	77	80	234	Trúng tuyển
2	Triệu Thị Phương Vân		02/3/1990	VKSND tỉnh Tây Ninh	63	94	220	Trúng tuyển
3	Võ Thị Thanh Thúy		20/3/1986	VKSND tỉnh Tây Ninh	64	86	214	Trúng tuyển
4	Lê Huỳnh Như Nguyễn		01/02/1986	VKSND TX.Trăng Bàng, Tây Ninh	67	76	210	
5	Trần Văn Hào	04/4/1979		VKSND h.Tân Biên, Tây Ninh	63	82	208	
6	Lê Xuân Hồng Vinh	20/10/1985		VKSND TP.Tây Ninh, Tây Ninh	61	80	202	
7	Văn Thị Diệu Linh		11/6/1988	VKSND tỉnh Tây Ninh	60	80	200	
8	Nguyễn Thị Huỳnh Như		14/6/1982	VKSND h.Châu Thành, Tây Ninh	60	74	194	
9	Hồ Sơn Tuấn	08/6/1983		VKSND h.Bến Cầu, Tây Ninh	52	78	182	
10	Phạm Đoàn Trung	17/12/1979		VKSND TP.Tây Ninh, Tây Ninh	54	74	182	
11	Trần Minh Tân	09/5/1987		VKSND h.Gò Dầu, Tây Ninh	50	80	180	
12	Trần Thị Thu Lan		04/3/1978	VKSND h.Tân Biên, Tây Ninh	52	72	176	
13	Dương Thị Tiểu Phương		25/12/1982	VKSND TP.Tây Ninh, Tây Ninh	50	76	176	
14	Nguyễn Ngọc Nhiên		27/3/1983	VKSND TP.Tây Ninh, Tây Ninh	50	74	174	
15	Trần Văn Nhiều	01/12/1981		VKSND h.Bến Cầu, Tây Ninh	50	70	170	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG								
1	Phạm Thanh Sơn	25/03/1965		Phó Viện trưởng VKSND h.Hòn Đất, Kiên Giang	57	58	172	Trúng tuyển
2	Phạm Chí Tâm	01/01/1976		Phó Viện trưởng VKSND h.An Minh, Kiên Giang	50	68	168	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU								
1	Lê Huyền Mao		21/12/1990	VKSND h.Hồng Dân, Bạc Liêu	70	96	236	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
2	Trần Thị Ngọc Quyền		04/01/1988	VKSND h.Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	70	90	230	Trúng tuyển
3	Võ Quốc Trường	16/11/1985		Phó Chánh VP VKSND tỉnh Bạc Liêu	70	86	226	
4	Nguyễn Phú Hoài	12/6/1989		VKSND h.Đông Hải, Bạc Liêu	70	78	218	
5	Nguyễn Văn Duy	03/01/1988		VKSND TP.Bạc Liêu, Bạc Liêu	68	80	216	
6	Võ Thị Hồng Mộng		01/01/1988	VKSND TX.Giá Rai, Bạc Liêu	64	80	208	
7	Nguyễn Trọng Thuật	12/10/1989		VKSND h.Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	61	86	208	
8	Nguyễn Thị Tố Như		29/5/1986	VKSND TP.Bạc Liêu, Bạc Liêu	69	66	204	
9	Mai Chí Nguyên	23/10/1987		VKSND TP.Bạc Liêu, Bạc Liêu	52	92	196	
10	Lý Thị Nhiên		10/02/1987	VKSND h.Phước Long, Bạc Liêu	60	74	194	
11	Vũ Anh Tuấn	06/4/1986		VKSND tỉnh Bạc Liêu	52	88	192	
12	Hà Chí Công	15/4/1987		VKSND h.Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	53	84	190	
13	Dương Thị Tiểu My		09/9/1988	VKSND TP.Bạc Liêu, Bạc Liêu	53	84	190	
14	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		28/10/1988	VKSND h.Hòa Bình, Bạc Liêu	58	70	186	
15	Văn Hữu Tuấn	15/11/1982		VKSND h.Hòa Bình, Bạc Liêu	55	76	186	
16	Trần Chí Linh	19/3/1982		VKSND TX.Giá Rai, Bạc Liêu	57	70	184	
17	Nguyễn Văn Thịnh	04/3/1985		VKSND h.Hồng Dân, Bạc Liêu	50	82	182	
18	Trần Mỹ Linh		12/10/1985	VKSND TP.Bạc Liêu, Bạc Liêu	50	70	170	
19	Phạm Hoàng Giang	19/3/1984		VKSND TX.Giá Rai, Bạc Liêu	53	60	166	
20	Trịnh Thị Mỹ Tiên		22/02/1982	VKSND h.Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	50	60	160	
21	Trần Đăng Khoa	06/6/1984		VKSND h.Đông Hải, Bạc Liêu	50	54	154	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

1	Lưu Thị Kim Chúc		13/7/1989	VKSND TX.Long Mỹ, Hậu Giang	78	86	242	Trúng tuyển
2	Hà Thanh Tùng	17/3/1988		VKSND tỉnh Hậu Giang	63	86	212	
3	Nguyễn Duy Khánh	17/02/1988		VKSND TP.Vị Thanh, Hậu Giang	62	78	202	
4	Lê Hữu Nam	03/7/1982		Phó Viện trưởng VKSND h.Vị Thủy, Hậu Giang	56	84	196	
5	Nguyễn Mỹ Điện		16/6/1988	VKSND TX.Long Mỹ, Hậu Giang	56	78	190	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
6	Trương Thanh Tình	03/7/1987		VKSND TP.Vị Thanh, Hậu Giang	58	74	190	
7	Nguyễn Hoài Nam	21/10/1987		VKSND h.Phụng Hiệp, Hậu Giang	53	80	186	
8	Phạm Thị Hoa		06/02/1986	VKSND TP.Vị Thanh, Hậu Giang	52	76	180	
9	Nguyễn Đình Trung	05/8/1982		Phó Viện trưởng VKSND TP.Vị Thanh, Hậu Giang	52	72	176	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

1	Trương Thị Thu Hải		15/4/1980	Phó Viện trưởng VKSND TP.Phan Thiết, Bình Thuận	63	92	218	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
2	Lương Thị Mai Chăm		23/7/1990	VKSND TP.Phan Thiết, Bình Thuận	70	90	230	Trúng tuyển
3	Nguyễn Phương Linh		05/01/1990	VKSND tỉnh Bình Thuận	63	94	220	Trúng tuyển
4	Trần Văn Toàn	06/02/1990		VKSND tỉnh Bình Thuận	56	90	202	Trúng tuyển
5	Hồ Thị Thanh Nga		26/6/1987	VKSND tỉnh Bình Thuận	52	94	198	Trúng tuyển
6	Nguyễn Thị Linh		28/10/1987	VKSND tỉnh Bình Thuận	50	94	194	Trúng tuyển

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

1	Tạ Đình Hà	03/11/1976		Viện trưởng VKSND h.Tu Mơ Rông, Kon Tum	66	70	202	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
---	------------	------------	--	---	----	----	-----	-------------------------------------

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

1	Đặng Thái Phong	12/3/1986		VKSND tỉnh Phú Yên	64	90	218	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Tú Vương		10/12/1990	VKSND TP.Tuy Hòa, Phú Yên	63	92	218	Trúng tuyển
3	Lê Trung Nghĩa	25/6/1986		VKSND tỉnh Phú Yên	63	84	210	Trúng tuyển

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

1	Nguyễn Hải Bằng	13/7/1980		Viện trưởng VKSND h.Châu Thành, Sóc Trăng	64	78	206	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Lý Thị Hồng Anh		01/01/1980	Viện trưởng VKSND h.Mỹ Tú, Sóc Trăng	45	74	164	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

1	Phạm Chí Thiện	26/01/1976		Viện trưởng VKSND h.Châu Thành, Tiền Giang	51	74	176	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Bùi Thị Thanh Bạch		03/01/1982	VKSND TP.Mỹ Tho, Tiền Giang	75	90	240	Trúng tuyển
3	Mai Hùng Nhân	01/01/1984		VKSND TP.Mỹ Tho, Tiền Giang	72	82	226	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
4	Phan Thị Dáng Hương		12/11/1987	VKSND h.Thoại Sơn, Tiền Giang	70	84	224	Trúng tuyển
5	Nguyễn Thị Thu Thảo		01/12/1989	VKSND h.Châu Thành, Tiền Giang	68	82	218	
6	Lê Phương Hồng Liên		16/4/1983	VKSND TP.Mỹ Tho, Tiền Giang	68	78	214	
7	Nguyễn Thành Nam	15/12/1990		VKSND h.Gò Công Tây, Tiền Giang	60	86	206	
8	Nguyễn Thị Phương Ngọc		1986	VKSND h.Chợ Gạo, Tiền Giang	65	74	204	
9	Triệu Thị Ngân Hà		07/8/1985	VKSND TP.Mỹ Tho, Tiền Giang	57	80	194	
10	Lê Hoàng Lan Ngọc		01/12/1989	VKSND h.Châu Thành, Tiền Giang	58	78	194	
11	Trần Ngọc Hà		28/11/1987	VKSND h.Châu Thành, Tiền Giang	55	78	188	
12	Nguyễn Văn Hải	29/11/1987		VKSND h.Cai Lậy, Tiền Giang	52	84	188	
13	Trần Thanh Bình	20/04/1970		Phó Chánh VP VKSND tỉnh Tiền Giang	60	66	186	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1	Nguyễn Thụy Huyền Trang		21/10/1972	Phó Viện trưởng VKSND q.Gò Vấp, TP.HCM	71	86	228	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
2	Cao Xuân Cường	15/11/1975		Phó Viện trưởng VKSND q.Tân Bình, TP.HCM	60	82	202	
3	Trần Đức Đăng Khương	14/10/1989		VKSND TP.HCM	80	86	246	Trúng tuyển
4	Đỗ Lê Mỹ Phương		26/6/1985	VKSND q.Bình Thạnh, TP.HCM	76	86	238	Trúng tuyển
5	Lê Thị Mỹ Anh		05/8/1988	VKSND Quận 11, TP.HCM	75	78	228	Trúng tuyển
6	Lưu Thị Thúy Hằng		25/12/1981	VKSND TP.HCM	67	86	220	Trúng tuyển
7	Lê Thị Tuyết Mai		03/9/1977	VKSND q.Phú Nhuận, TP.HCM	65	90	220	Trúng tuyển
8	Hồ Thị Ngọc Ánh		22/12/1989	VKSND TP.HCM	67	84	218	Trúng tuyển
9	Nguyễn Thị Lý		28/01/1986	VKSND TP.HCM	64	88	216	Trúng tuyển
10	Bùi Thị Hương Liễu		30/4/1989	VKSND q.Phú Nhuận, TP.HCM	60	94	214	Trúng tuyển
11	Nguyễn Văn Điều	10/9/1986		VKSND Quận 4, TP.HCM	66	80	212	Trúng tuyển
12	Vũ Thị Hải		08/8/1987	VKSND Quận 3, TP.HCM	64	84	212	Trúng tuyển
13	Đồng Văn Nam	20/4/1988		VKSND h.Bình Chánh, TP.HCM	61	86	208	Trúng tuyển
14	Nguyễn Thị Nhung		23/3/1987	VKSND Quận 5, TP.HCM	65	78	208	Trúng tuyển
15	Trần Thị Thơm		01/01/1989	VKSND TP.HCM	60	88	208	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
16	Trần Quang Minh Bình	05/01/1988		VKSND q.Bình Tân, TP.HCM	60	84	204	Trúng tuyển
17	Mai Thị Thanh Hòa		26/3/1986	VKSND TP.HCM	59	86	204	Trúng tuyển
18	Nguyễn Thị Thương		30/4/1988	VKSND TP.HCM	59	86	204	Trúng tuyển
19	Lê Trương Hà Linh		08/12/1985	VKSND TP.HCM	61	80	202	Trúng tuyển
20	Vũ Thị Minh Nguyệt		01/01/1987	VKSND TP.HCM	60	82	202	Trúng tuyển
21	Nguyễn Kim Sen		06/01/1980	VKSND Quận 8, TP.HCM	60	82	202	Trúng tuyển
22	Đoàn Hồng Ngân		17/3/1988	VKSND TP.HCM	59	80	198	Trúng tuyển
23	Trần Thị Quyên		01/01/1986	VKSND TP.HCM	55	88	198	Trúng tuyển
24	Phạm Văn Hậu	13/3/1977		VKSND h.Bình Chánh, TP.HCM	57	78	192	Trúng tuyển
25	Đỗ Thị Thu Hồng		14/11/1982	VKSND Quận 3, TP.HCM	56	80	192	Trúng tuyển
26	Lê Hoàng Di Linh	20/01/1983		VKSND TP.HCM	57	78	192	Trúng tuyển
27	Hoàng Huy Phương	01/01/1966		VKSND TP.HCM	54	80	188	Trúng tuyển
28	Trần Thị Kim Nghĩa		11/7/1980	VKSND q.Bình Tân, TP.HCM	54	74	182	Trúng tuyển
29	Vũ Thị Yến		20/11/1985	VKSND TP.HCM	50	82	182	Trúng tuyển
30	Phan Hoàng Anh		30/6/1981	VKSND q.Bình Thạnh, TP.HCM	50	78	178	Trúng tuyển
31	Hoàng Nguyên Đán	01/01/1984		VKSND Quận 11, TP.HCM	50	78	178	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH								
1	Bùi Nguyên Vy Thương		18/12/1989	VKSND tỉnh Bình Định	75	88	238	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Hiền		12/6/1989	VKSND tỉnh Bình Định	59	78	196	Trúng tuyển
3	Nguyễn Hồng Phúc		24/8/1978	VKSND TP.Quy Nhơn, Bình Định	40	88	168	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK								
1	Ksor Y Kon	02/9/1978		Phó Viện trưởng VKSND h.Ea H'leo, Đắk Lắk	62	74	198	Trúng tuyển chi tiêu PVT huyện
2	Nguyễn Thị Mai Phương		07/8/1988	VKSND tỉnh Đắk Lắk	68	76	212	Trúng tuyển
3	Phan Thị Ngọc Châu		04/11/1989	VKSND tỉnh Đắk Lắk	60	88	208	Trúng tuyển
4	Phạm Trường Xuân	10/11/1987		VKSND tỉnh Đắk Lắk	60	88	208	Trúng tuyển
5	Nguyễn Thị Diệu Linh		10/6/1989	VKSND tỉnh Đắk Lắk	63	78	204	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
6	Nguyễn Tú Anh		06/11/1988	VKSND tỉnh Đắk Lắk	60	82	202	
7	Trần Thanh Dương	20/5/1985		Phó Trưởng phòng VKSND tỉnh Đắk Lắk	54	82	190	
8	Nguyễn Duy Toàn	04/9/1980		Phó Viện trưởng VKSND h.M'Drắk, Đắk Lắk	52	86	190	
9	Bùi Văn Hán	27/01/1989		VKSND tỉnh Đắk Lắk	52	84	188	
10	Phạm Văn Thành	10/9/1978		Phó Viện trưởng VKSND h.Cư M'gar, Đắk Lắk	53	82	188	
11	Đào Thị Diễm Linh		19/5/1989	VKSND tỉnh Đắk Lắk	50	82	182	
12	Y Phi La Kbuôr	12/12/1986		VKSND tỉnh Đắk Lắk	50	64	164	
13	Trần Quốc Anh	09/11/1981		Phó Viện trưởng VKSND h.Krông Bông, Đắk Lắk	36	80	152	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

1	Trần Thị Lành		26/02/1981	Phó Viện trưởng VKSND h.Long Điền, Bà Rịa-Vũng Tàu	67	84	218	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
2	Phan Xuân Lâm	23/6/1979		Phó Viện trưởng VKSND h.Châu Đức, Bà Rịa-Vũng Tàu	62	70	194	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
3	Đào Thị Hồng Vân		5/27/1987	VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	79	92	250	Trúng tuyển
4	Nguyễn Nam Thành	11/11/1983		VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	78	70	226	Trúng tuyển
5	Phạm Thị Lệ Thủy		14/02/1988	VKSND h.Xuân Mộc, Bà Rịa-Vũng Tàu	66	92	224	
6	Nguyễn Thị Hồng Cẩm		16/6/1989	VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	54	90	198	
7	Trần Thị Nhung		19/5/1987	VKSND TP.Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng Tàu	56	84	196	
8	Vũ Văn Lực	12/3/1982		Phó Viện trưởng VKSND TP.Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng Tàu	60	72	192	
9	Nguyễn Thị Anh Thơ		1/9/1979	VKSND TP.Vũng Tàu, Bà Rịa-Vũng Tàu	53	82	188	
10	Nguyễn Văn Sơn	02/9/1978		Phó Viện trưởng VKSND h.Long Điền, Bà Rịa-Vũng Tàu	56	66	178	
11	Nguyễn Hữu Thụy	19/6/1981		VKSND h.Châu Đức, Bà Rịa-Vũng Tàu	58	58	174	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

1	Trần Thị Diệu		10/7/1982	VKSND h.Cao Lãnh, Đồng Tháp	65	88	218	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Được		14/10/1988	VKSND tỉnh Đồng Tháp	61	88	210	Trúng tuyển
3	Lâm Xuân Long	20/02/1981		VKSND TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp	60	78	198	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
4	Phạm Minh Trí	29/8/1984		VKSND TP.Hồng Ngự, Đồng Tháp	63	72	198	Trúng tuyển
5	Phan Thị Thanh Mến		04/5/1989	VKSND TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp	57	82	196	
6	Nguyễn Thị Mộng Linh		25/11/1988	VKSND TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp	56	80	192	
7	Nguyễn Ngọc Tân	03/02/1982		VKSND h.Cao Lãnh, Đồng Tháp	57	78	192	
8	Trịnh Hiếu Huy	21/02/1988		VKSND h.Châu Thành, Đồng Tháp	56	78	190	
9	Phạm Thị Mỹ Linh		03/8/1989	VKSND TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp	53	76	182	
10	Trần Văn Thanh	01/01/1984		VKSND TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp	39	80	158	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

1	Đỗ Hoàng Phận	16/02/1981		Viện trưởng VKSND TP.Tân An, Long An	62	84	208	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Huỳnh Minh Ân	12/4/1983		Phó Viện trưởng VKSND h.Cần Đước, Long An	60	86	206	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
3	Nguyễn Hồng Vi		31/7/1983	VKSND tỉnh Long An	70	76	216	Trúng tuyển
4	Nguyễn Tấn Phát	14/5/1988		VKSND h.Bến Lức, Long An	67	78	212	Trúng tuyển
5	Nguyễn Kim Thoa		08/01/1988	VKSND h.Thủ Thừa, Long An	57	92	206	Trúng tuyển
6	Bùi Thị Bé Lin		01/10/1989	VKSND tỉnh Long An	61	82	204	Trúng tuyển
7	Nguyễn Quang Thông	24/9/1988		VKSND tỉnh Long An	57	88	202	Trúng tuyển
8	Nguyễn Phạm Minh Vũ	04/7/1989		VKSND h.Châu Thành, Long An	56	88	200	Trúng tuyển
9	Lê Thị Kim Thoa		30/12/1989	VKSND tỉnh Long An	55	88	198	Trúng tuyển
10	Hà Minh Trang		20/7/1987	VKSND tỉnh Long An	58	82	198	Trúng tuyển
11	Nguyễn Hoàng Long	23/10/1989		VKSND h.Tân Trụ, Long An	56	84	196	Trúng tuyển
12	Nguyễn Thị Kiều		12/3/1988	VKSND h.Vĩnh Hưng, Long An	54	86	194	
13	Trần Thị Vương Trang		26/11/1989	VKSND tỉnh Long An	50	94	194	
14	Nguyễn Thị Thanh Trúc		05/12/1986	VKSND tỉnh Long An	54	82	190	
15	Lê Văn Hải	14/10/1970		VKSND h.Châu Thành, Long An	54	80	188	
16	Trần Thị Kim Ngân		12/12/1987	VKSND tỉnh Long An	51	86	188	
17	Trần Vạn Quốc	09/02/1988		VKSND tỉnh Long An	51	86	188	
18	Võ Thị Kim Nguyên		16/11/1989	VKSND tỉnh Long An	55	76	186	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
19	Nguyễn Thị Tho		07/11/1983	VKSND tỉnh Long An	59	68	186	
20	Thạch Quanh Thây	07/4/1987		VKSND TP.Tân An, Long An	57	72	186	
21	Nguyễn Thị Hồng Thu		01/4/1988	VKSND h.Châu Thành, Long An	55	76	186	
22	Nguyễn Thị Ngọc Hân		03/12/1986	VKSND h.Bến Lức, Long An	55	72	182	
23	Nguyễn Thị Thanh Thúy		16/8/1986	VKSND tỉnh Long An	51	78	180	
24	Phạm Hữu Hiền	14/11/1989		VKSND TP.Tân An, Long An	42	82	166	
25	Nguyễn Quốc Hưng	26/4/1985		VKSND tỉnh Long An	40	78	158	
26	Lê Thị Ngọc Lan		17/5/1978	Phó Chánh Thanh tra VKSND tỉnh Long An	43	72	158	
27	Lê Xuân Trường	18/9/1983		VKSND TP.Tân An, Long An	37	74	148	
28	Nguyễn Thị Châm		14/11/1984	VKSND TP.Tân An, Long An	35	64	134	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

1	Trần Văn Liệt	21/6/1986		Phó Viện trưởng VKSND h.Châu Thành, Trà Vinh	67	76	210	Trúng tuyển chỉ tiêu PVT huyện
2	Phan Văn Hiếu	26/3/1990		VKSND h.Châu Thành, Trà Vinh	66	90	222	Trúng tuyển
3	Đỗ Thành Tâm	03/5/1984		VKSND h.Trà Cú, Trà Vinh	66	82	214	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Mỹ Nhanh		17/10/1989	VKSND h.Càng Long, Trà Vinh	64	84	212	
5	Nguyễn Văn Trường	11/02/1988		VKSND h.Châu Thành, Trà Vinh	64	66	194	
6	Nguyễn Hoài Linh	22/11/1990		VKSND h.Cầu Kè, Trà Vinh	54	84	192	
7	Nguyễn Thị Tú Anh		26/01/1982	Phó Viện trưởng VKSND h.Châu Thành, Trà Vinh	55	76	186	
8	Huỳnh Quang Hậu	26/6/1980		VKSND TP.Trà Vinh, Trà Vinh	56	74	186	
9	Võ Tấn Lợi	19/01/1987		VKSND h.Duyên Hải, Trà Vinh	52	82	186	
10	Phan Thanh Nhanh	15/12/1977		Phó Chánh VP VKSND tỉnh Trà Vinh	63	60	186	
11	Nguyễn Hoàng Phương	01/12/1987		VKSND TP.Trà Vinh, Trà Vinh	50	86	186	
12	Lý Phước Bền	18/5/1982		Phó Viện trưởng VKSND h.Cầu Ngang, Trà Vinh	53	78	184	
13	Cao Minh Dương	25/9/1986		Phó Viện trưởng VKSND h.Càng Long, Trà Vinh	53	74	180	
14	Hà Văn Út	20/9/1987		VKSND h.Cầu Ngang, Trà Vinh	58	62	178	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
15	Phạm Thị Bé Em		22/02/1980	VKSND TP.Trà Vinh, Trà Vinh	50	76	176	
16	Nguyễn Văn Thương	14/12/1976		Phó Viện trưởng VKSND h.Tiểu Cần, Trà Vinh	51	72	174	
17	Kim Mau	21/12/1984		VKSND h.Duyên Hải, Trà Vinh	51	68	170	
18	Phạm Minh Lập	28/7/1977		VKSND h.Càng Long, Trà Vinh	52	62	166	
19	Nguyễn Thị Mỹ Phượng		19/9/1979	VKSND TP.Trà Vinh, Trà Vinh	44	74	162	
20	Đặng Thị Ngọc Đính		16/11/1976	Phó Viện trưởng VKSND TP.Trà Vinh, Trà Vinh	38	74	150	
21	Đặng Chí Thiện	09/12/1980		VKSND TP.Trà Vinh, Trà Vinh	34	50	118	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG								
1	Tô Văn Dư	04/10/1968		Viện trưởng VKSND TX.Bình Minh, Vĩnh Long	53,5	98	#VALUE!	Trúng tuyển chỉ tiêu VT huyện
2	Lê Thị Tuyết Hoa		12/4/1986	VKSND tỉnh Vĩnh Long	60	94	214	Trúng tuyển
3	Đỗ Văn Minh	25/02/1982		VKSND TP.Vĩnh Long, Vĩnh Long	60	88	208	Trúng tuyển
4	Phan Thị Thanh Mộng		15/02/1982	VKSND TP.Vĩnh Long, Vĩnh Long	58	84	200	
5	Lê Thị Anh Đào		14/5/1986	VKSND tỉnh Vĩnh Long	60	72	192	
6	Dương Hoàng Anh	01/01/1982		VKSND h.Tam Bình, Vĩnh Long	50	86	186	

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI
TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN KIỂM SÁT VIÊN SƠ CẤP NĂM 2022**
(Kèm theo Quyết định số: 71/QĐ-HĐTT ngày 10/4/2023 của Chủ tịch Hội đồng thi tuyển Kiểm sát viên)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO								
1	Nguyễn Mạnh Cường	17/4/1989		Văn phòng VKSNDTC	77	100	254	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Thuỳ Dương		04/11/1990	Vụ 10, VKSNDTC	79	94	252	Trúng tuyển
3	Nguyễn Tuấn Anh		04/02/1995	Vụ 15, VKSNDTC	78	94	250	Trúng tuyển
4	Vũ Lê Thành Nam	12/12/1995		Vụ 5, VKSNDTC	80	90	250	Trúng tuyển
5	Ngô Thị Ánh Hồng		23/11/1990	Vụ 15, VKSNDTC	77	94	248	Trúng tuyển
6	Nguyễn Tiến Dũng	04/8/1992		Vụ 13, VKSNDTC	77	84	238	Trúng tuyển
7	Nguyễn Thanh Hương		19/8/1990	Vụ 14, VKSNDTC	78	82	238	Trúng tuyển
8	Bùi Thị Huyền Thương		23/6/1995	Vụ 3, VKSNDTC	77	84	238	Trúng tuyển
9	Lương Thành An	20/11/1995		Vụ 14, VKSNDTC	73	86	232	
10	Nguyễn Hữu Cơ	18/12/1994		Vụ 9, VKSNDTC	74	82	230	
11	Ngô Thế Vũ	07/9/1995		Vụ 11, VKSNDTC	66	86	218	
12	Trần Vũ Phương	25/9/1987		Văn phòng VKSNDTC	63	90	216	
13	Phạm Thanh Hoàng	28/11/1995		Vụ 4, VKSNDTC	64	80	208	Đã chuyển công tác đến VKSND tỉnh Hưng Yên
14	Lê Thị Duyên		05/9/1984	Văn phòng VKSNDTC	62	82	206	
15	Nguyễn Thanh Liêm	17/9/1990		Vụ 13, VKSNDTC	56	88	200	
16	Đỗ Minh Tuấn	24/02/1994		Vụ 6, VKSNDTC	60	80	200	
17	Nguyễn Thị Thùy Linh		16/12/1995	Vụ 2, VKSNDTC	65	68	198	
18	Vi Việt Vương	03/4/1995		Vụ 10, VKSNDTC	58	80	196	
19	Hoàng Hải Nam	23/8/1995		Vụ 4, VKSNDTC	61	72	194	
20	Ngô Thị Thu Vân		28/7/1990	Vụ 13, VKSNDTC	52	90	194	
21	Nguyễn Lương Phú	20/6/1994		Vụ 8, VKSNDTC	55	82	192	
22	Lê Thanh Hà	27/4/1995		Vụ 2, VKSNDTC	54	82	190	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
23	Nguyễn Minh Hải	09/5/1987		Cục 2, VKSNDTC	55	72	182	
24	Nguyễn Trọng Tiến	20/9/1995		Vụ 14, VKSNDTC	45	88	178	
25	Nguyễn Thành Đông	17/7/1995		Vụ 7, VKSNDTC	45	82	172	
26	Vũ Đăng Anh	07/6/1981		Vụ 16, VKSNDTC	47	56	150	
27	Trần Quyền Anh	04/10/1988		Vụ 13, VKSNDTC	39	70	148	
VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ								
1	Võ Thị Thanh Nguyên		28/12/1993	VKSQS KV72	80	92	252	Trúng tuyển
2	Tô Minh Tới	18/02/1993		VKSQS KV52	78	92	248	Trúng tuyển
3	Ngô Đình Diệu Tâm		19/10/1992	VKSQS KV42	75	88	238	Trúng tuyển
4	Nguyễn Văn Thuật	28/5/1993		VKSQS KV2 QC PKKQ	72	92	236	Trúng tuyển
5	Nguyễn Thành Nhân	06/11/1995		VKSQS KV51	72	86	230	Trúng tuyển
6	Nguyễn Thị Huyền		28/4/1994	VKSQS KV41	73	82	228	Trúng tuyển
7	Đỗ Văn Tùng	10/2/1987		VKSQS KV22	72	84	228	Trúng tuyển
8	Cung Thị Thiều		21/11/1994	VKSQS KV11	72	84	228	Trúng tuyển
9	Lê Nguyễn Anh Võ	09/10/1993		VKSQS KV51	71	82	224	Trúng tuyển
10	Lê Văn Linh	14/4/1994		VKSQS KV51	67	88	222	Trúng tuyển
11	Trương Đình Khánh	19/6/1993		VKSQS KV13	65	90	220	Trúng tuyển
12	Nông Minh Tùng	30/10/1994		VKSQS QK1	57	94	208	Trúng tuyển
13	Cao Phi Cương	16/11/1985		VKSQS KV71	70	68	208	Trúng tuyển
14	Nguyễn Văn Thiên	10/5/1988		VKSQS KV32	59	84	202	Trúng tuyển
15	Nguyễn Thị Thanh Thuý		01/3/1992	VKSQS KV51	64	74	202	Trúng tuyển
16	Phan Trung Việt	09/3/1995		VKSQS KV21	63	76	202	Trúng tuyển
17	Cán Xuân Quyết	07/8/1995		VKSQS KV21	58	82	198	Trúng tuyển
18	Tô Thị Xuân Quỳnh		17/11/1993	VKSQS KV31	63	72	198	Trúng tuyển
19	Phùng Thị Ngọc Anh		20/12/1993	VKSQS KV1 BDBP	62	70	194	Trúng tuyển
20	Lương Lý Hùng	11/7/1993		VKSQS KV13	63	64	190	Trúng tuyển
21	Phạm Đức Hiệp	07/9/1986		VKSQS KV31	53	82	188	Trúng tuyển
22	Trần Mạnh Thắng	16/02/1983		VKSQS QC PKKQ	59	68	186	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
23	Khuất Đình Hoàng	03/6/1994		VKSQS KV1 QC PKKQ	53	72	178	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI								
1	Phạm Quỳnh Hoa Thúy		07/11/1994	VKSND cấp cao 1	78	94	250	Trúng tuyển
2	Lý Thị Thùy Trang		04/8/1995	VKSND cấp cao 1	74	98	246	Trúng tuyển
3	Bùi Xuân Hùng	05/12/1994		VKSND cấp cao 1	78	86	242	
4	Bùi Thị Ninh		18/10/1990	VKSND cấp cao 1	76	88	240	
5	Nguyễn Đình Tú	05/8/1995		VKSND cấp cao 1	70	90	230	
6	Nguyễn Xuân Dũng	17/10/1995		VKSND cấp cao 1	70	88	228	
7	Nguyễn Minh Đức	17/02/1995		VKSND cấp cao 1	61	94	216	
8	Phí Hoàng Long	11/4/1995		VKSND cấp cao 1	62	92	216	
9	Nguyễn Trường Giang	21/9/1995		VKSND cấp cao 1	60	94	214	
10	Vũ Minh Trang		02/9/1996	VKSND cấp cao 1	67	78	212	
11	Nguyễn Mạnh Hùng	08/6/1989		VKSND cấp cao 1	58	94	210	
12	Nguyễn Thúy Quỳnh		29/6/1995	VKSND cấp cao 1	60	86	206	
13	Nguyễn Duy Tùng	24/8/1995		VKSND cấp cao 1	55	96	206	
14	Vũ Huyền Trang		21/8/1991	VKSND cấp cao 1	62	78	202	
15	Nguyễn Thị Mai Linh		10/10/1995	VKSND cấp cao 1	56	86	198	
16	Đỗ Việt Lâm	26/5/1994		VKSND cấp cao 1	58	80	196	
17	Nông Thị Trà My		26/01/1995	VKSND cấp cao 1	52	92	196	
18	Lê Đức Anh	04/10/1995		VKSND cấp cao 1	52	86	190	
19	Nguyễn Nam Anh	17/6/1995		VKSND cấp cao 1	59	72	190	
20	Dương Thị Kim Oanh		13/5/1995	VKSND cấp cao 1	50	86	186	
21	Nguyễn Thị Hà My		20/3/1994	VKSND cấp cao 1	55	74	184	
22	Nông Quốc Đạt	12/02/1995		VKSND cấp cao 1	45	86	176	
23	Nguyễn Tiến Anh	05/6/1995		VKSND cấp cao 1	40	70	150	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG								
1	Nguyễn Thị Thanh		30/01/1990	VKSND cấp cao 2	80	98	258	Trúng tuyển
2	Hoàng Thị Thùy Trang		25/10/1995	VKSND cấp cao 2	76	96	248	Trúng tuyển
3	Phạm Thị Thanh Thủy		20/10/1994	VKSND cấp cao 2	75	96	246	
4	Lê Thị Hồng Mận		06/8/1989	VKSND cấp cao 2	73	90	236	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
5	Huỳnh Ngọc Minh Thu		23/01/1994	VKSND cấp cao 2	69	96	234	
6	Trương Thị Ngọc Hiền		06/01/1993	VKSND cấp cao 2	75	80	230	
7	Nguyễn Đình Nam	25/10/1994		VKSND cấp cao 2	72	86	230	Đã chuyên công tác đến VKSND tỉnh Thanh Hóa
8	Dương Thanh Tùng	13/10/1994		VKSND cấp cao 2	68	90	226	
9	Doãn Thị Hoa		02/02/1993	VKSND cấp cao 2	65	84	214	Đã chuyên công tác đến VKSND tỉnh Quảng Nam
10	Nguyễn Phương Anh		01/11/1994	VKSND cấp cao 2	55	88	198	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1	Nguyễn Đình Khang	19/3/1993		VKSND cấp cao 3	74	96	244	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thu Hải		02/4/1991	VKSND cấp cao 3	73	98	244	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Ngọc Lan		24/11/1989	VKSND cấp cao 3	68	80	216	
4	Nguyễn Thị Thu Trang		06/4/1991	VKSND cấp cao 3	63	88	214	
5	Phan Thị Hoài		29/3/1993	VKSND cấp cao 3	53	98	204	
6	Lê Thị Ngọc Anh		13/7/1994	VKSND cấp cao 3	57	88	202	
7	Nguyễn Diệu Ny		07/01/1996	VKSND cấp cao 3	58	80	196	Đã chuyên công tác đến VKSND TP Đà Nẵng
8	Võ Thị Tâm		30/6/1994	VKSND cấp cao 3	58	78	194	
9	Phan Thị Minh		04/02/1994	VKSND cấp cao 3	50	88	188	
10	Lê Đức Ngọc	17/3/1993		VKSND cấp cao 3	50	88	188	
11	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc		18/11/1995	VKSND cấp cao 3	50	70	170	
12	Đậu Thanh Bình	14/5/1995		VKSND cấp cao 3	34	64	132	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

1	Nguyễn Thị Tuyết Mai		19/3/1995	VKSND h.Lục Nam, Bắc Giang	72	92	236	Trúng tuyển
2	Đào Văn Long	14/02/1988		VKSND h.Việt Yên, Bắc Giang	65	86	216	Trúng tuyển
3	Ngô Thị Vân Anh		15/7/1995	VKSND TP.Bắc Giang, Bắc Giang	61	92	214	Trúng tuyển
4	Nguyễn Minh Nguyệt		30/5/1995	VKSND TP.Bắc Giang, Bắc Giang	62	88	212	Trúng tuyển
5	Nguyễn Quỳnh Anh		18/8/1994	VKSND h.Lạng Giang, Bắc Giang	60	88	208	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
6	Dương Thị Hải Yến		25/12/1991	VKSND h.Tân Yên, Bắc Giang	65	78	208	Trúng tuyển
7	Hà Đăng Chương	21/4/1994		VKSND h.Tân Yên, Bắc Giang	65	76	206	Trúng tuyển
8	Nguyễn Đức Tùng	16/10/1995		VKSND h.Lục Nam, Bắc Giang	60.5	82	203	Trúng tuyển
9	Vi Đăng Khoa	17/9/1991		VKSND h.Hiệp Hòa, Bắc Giang	58	86	202	Trúng tuyển
10	Nguyễn Mạnh	25/01/1989		VKSND TP.Bắc Giang, Bắc Giang	61	80	202	Trúng tuyển
11	Nguyễn Thị Quỳnh		01/3/1992	VKSND h.Lục Nam, Bắc Giang	61	80	202	Trúng tuyển
12	Nguyễn Hải Anh	29/01/1995		VKSND tỉnh Bắc Giang	54	88	196	Trúng tuyển
13	Hoàng Mạnh Thắng	24/3/1984		VKSND tỉnh Bắc Giang	50	78	178	Trúng tuyển

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

1	Nguyễn Thanh Tùng	04/3/1993		VKSND TP.Điện Biên Phủ, Điện Biên	78	84	240	Trúng tuyển
2	Lường Phương Thảo		11/10/1993	VKSND h.Tuần Giáo, Điện Biên	75	84	234	Trúng tuyển
3	Vi Thị Hoàng Yến		24/6/1995	VKSND h.Điện Biên, Điện Biên	71	84	226	Trúng tuyển
4	Đặng Thị Huyền Sâm		06/9/1989	VKSND h.Điện Biên Đông, Điện Biên	64	82	210	
5	Đinh Thị Thơ		03/4/1991	VKSND h.Điện Biên Đông, Điện Biên	60	90	210	
6	Trần Hồng Quân	04/02/1993		VKSND h.Tuần Giáo, Điện Biên	60	88	208	
7	Mùa A Tú	14/9/1992		VKSND h.Nậm Pồ, Điện Biên	63	72	198	
8	Trần Thị Thu Thủy		27/12/1989	VKSND TX.Mường Lay, Điện Biên	59	80	198	
9	Cầm Thị Phượng		20/5/1990	VKSND h.Tuần Giáo, Điện Biên	57	76	190	
10	Trần Ngọc Thiện	18/7/1994		VKSND h.Tùa Chùa, Điện Biên	48	90	186	
11	Nguyễn Thị Hiền		11/10/1987	VKSND h.Mường Chà, Điện Biên	52	76	180	
12	Phạm Ngọc Tùng Lâm	14/4/1994		VKSND TP.Điện Biên Phủ, Điện Biên	53	74	180	
13	Triệu Việt Biên	29/5/1988		VKSND h.Mường Chà, Điện Biên	44	84	172	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1	Phạm Thanh Thủy		15/06/1994	VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội	85	90	260	Trúng tuyển
2	Nguyễn Hương Giang		26/06/1994	VKSND q.Cầu Giấy, Hà Nội	82	96	260	Trúng tuyển
3	Nguyễn Đỗ Tuấn Long	19/12/1993		VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội	82	96	260	Trúng tuyển
4	Nông Thị Bích Phượng		11/07/1992	VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội	80	100	260	Trúng tuyển
5	Nguyễn Phương Đông	18/01/1994		VKSND q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	82	94	258	Trúng tuyển
6	Đoàn Hữu Nam	20/08/1995		VKSND h.Quốc Oai, Hà Nội	82	94	258	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
7	Lê Hồng Quang	01/10/1995		VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	82	94	258	Trúng tuyển
8	Đỗ Hoàng Phương	12/02/1991		VKSND h.Ba Vì, Hà Nội	81	96	258	Trúng tuyển
9	Đỗ Tùng Lâm	10/10/1995		VKSND q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	81	96	258	Trúng tuyển
10	Nguyễn Thị Lan Hương		26/07/1995	VKSND q.Thanh Xuân, Hà Nội	80	98	258	Trúng tuyển
11	Hoàng Thị Hường		10/08/1992	VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	80	98	258	Trúng tuyển
12	Nguyễn Thị Thanh Huyền		11/12/1990	VKSND q.Cầu Giấy, Hà Nội	80	98	258	Trúng tuyển
13	Vũ Việt Khánh	02/09/1994		VKSND q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội	80	98	258	Trúng tuyển
14	Đào Hải Nam	14/09/1995		VKSND q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	80	98	258	Trúng tuyển
15	Nguyễn Sơn	16/07/1995		VKSND q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	80	98	258	Trúng tuyển
16	Trần Ngọc Vương	12/08/1994		VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội	83	90	256	Trúng tuyển
17	Nguyễn Phương Linh		06/08/1994	VKSND q.Thanh Xuân, Hà Nội	79	98	256	
18	Triệu Đức Chung	03/12/1991		VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	81	92	254	
19	Nguyễn Thùy Dương		04/03/1995	VKSND q.Hà Đông, Hà Nội	80	92	252	
20	Bùi Linh Đan		01/02/1995	VKSND TP.Hà Nội	79	94	252	
21	Nguyễn Thị Thùy Linh		27/09/1991	VKSND q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	78	96	252	
22	Nguyễn Việt Cường	29/10/1989		VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội	77	96	250	
23	Đỗ Diệu Linh		04/09/1995	VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	80	88	248	
24	Phạm Ngọc Long	03/02/1994		VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội	78	92	248	
25	Phan Thị Hồng Liên		25/11/1995	VKSND h.Đông Anh, Hà Nội	76	96	248	
26	Lê Minh Quân	28/02/1991		VKSND TP.Hà Nội	76	96	248	
27	Nguyễn Thanh Dung		18/08/1990	VKSND q.Hà Đông, Hà Nội	79	88	246	
28	Vũ Tuấn Anh	03/07/1991		VKSND TP.Hà Nội	74	94	242	
29	Hoàng Trung Anh	04/12/1995		VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	73	96	242	
30	Hoàng Hà Bích Diệp		11/10/1995	VKSND TP.Hà Nội	73	96	242	
31	Nguyễn Mạnh Quân	01/10/1988		VKSND TP.Hà Nội	77	86	240	
32	Nguyễn Mạnh Tùng	28/06/1992		VKSND h.Đan Phượng, Hà Nội	71	98	240	
33	Nguyễn Đức Long	10/01/1989		VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội	75	88	238	
34	Phạm Thị Hồng Vân		21/09/1987	VKSND q.Ba Đình, Hà Nội	72	94	238	
35	Phạm Hoàng Lan Phương		22/10/1995	VKSND h.Hoài Đức, Hà Nội	70	98	238	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
36	Tạ Ngọc Sang	18/09/1993		VKSND h.Sóc Sơn, Hà Nội	74	88	236	
37	Phan Quốc Nghiệp	15/11/1995		VKSND q.Long Biên, Hà Nội	73	90	236	
38	Nguyễn Văn Cừ	18/10/1983		VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội	73	88	234	
39	Lê Văn Lũy	12/04/1992		VKSND q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội	66	100	232	
40	Trần Thị Minh Nguyệt		20/10/1988	VKSND h.Thanh Oai, Hà Nội	71	88	230	
41	Phan Việt Dũng	15/08/1994		VKSND TP.Hà Nội	69	92	230	
42	Vũ Thị Quỳnh Trang		18/08/1995	VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	65	100	230	
43	Thạch Thị Liên		29/06/1991	VKSND h.Gia Lâm, Hà Nội	77	74	228	
44	Chu Ngọc Minh	18/06/1995		VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	70	88	228	
45	Nguyễn Thành Vũ	24/07/1993		VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội	70	88	228	
46	Bùi Như Thảo		08/08/1994	VKSND TP.Hà Nội	66	96	228	
47	Nguyễn Quang Minh	28/01/1995		VKSND h.Thạch Thất, Hà Nội	65	98	228	
48	Trần Thị Nam Phương		02/05/1992	VKSND TP.Hà Nội	74	78	226	
49	Nguyễn Thu Hiền		07/04/1992	VKSND TP.Hà Nội	72	82	226	
50	Hà Mạnh	17/12/1992		VKSND q.Ba Đình, Hà Nội	69	88	226	
51	Trần Thảo Nguyên		31/01/1994	VKSND q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	68	90	226	
52	Phạm Thị Thanh Lan		28/04/1992	VKSND q.Long Biên, Hà Nội	66	94	226	
53	Trần Hoàng Mỹ Linh		06/02/1992	VKSND q.Thanh Xuân, Hà Nội	66	94	226	
54	Nguyễn Quang Huy	13/06/1989		VKSND TP.Hà Nội	65	96	226	
55	Ngô Việt Anh	21/09/1995		VKSND q.Long Biên, Hà Nội	71	82	224	
56	Nguyễn Thị Hồng Phúc		27/02/1995	VKSND h.Thanh Oai, Hà Nội	67	90	224	
57	Trần Tuấn Anh	01/09/1989		VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	65	94	224	
58	Phạm Ngọc Mai		11/09/1994	VKSND TP.Hà Nội	65	94	224	
59	Nguyễn Sơn Tùng	16/09/1992		VKSND q.Hà Đông, Hà Nội	62	100	224	
60	Nguyễn Thị Ngọc Anh		25/05/1990	VKSND q.Ba Đình, Hà Nội	65	90	220	
61	Chu Thị Ngọc Linh		13/11/1995	VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội	64	92	220	
62	Lê Thị Thu Hương		23/10/1995	VKSND h.Phúc Thọ, Hà Nội	63	94	220	
63	Trần Minh Quân	08/10/1994		VKSND h.Gia Lâm, Hà Nội	61	98	220	
64	Trần Bích Ngọc		09/12/1995	VKSND q.Tây Hồ, Hà Nội	66	86	218	
65	Nguyễn Chí Anh	01/10/1994		VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	65	88	218	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
66	Đinh Mạnh Hùng	12/08/1989		VKSND q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội	63	92	218	
67	Lý Xuân Nhất	19/06/1991		VKSND h.Ứng Hòa, Hà Nội	63	92	218	
68	Nguyễn Tiến Sơn	24/08/1989		VKSND q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	61	96	218	
69	Phạm Ngọc Hà	01/03/1991		VKSND h.Hoài Đức, Hà Nội	65	86	216	
70	Dương Sơn Tiến	20/11/1994		VKSND h.Ba Vì, Hà Nội	63	90	216	
71	Nguyễn Văn Điệp	26/04/1989		VKSND q.Cầu Giấy, Hà Nội	62	92	216	
72	Nguyễn Hữu Tùng Lâm	31/05/1994		VKSND q.Thanh Xuân, Hà Nội	65	84	214	
73	Nguyễn Hoàng Phương		17/09/1991	VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội	65	84	214	
74	Lê Thị Huệ		02/06/1990	VKSND h.Mê Linh, Hà Nội	64	86	214	
75	Phạm Huyền Trang		24/08/1994	VKSND q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	63	88	214	
76	Ngô Trung Hiếu	31/08/1994		VKSND q.Long Biên, Hà Nội	63	88	214	
77	Đinh Huy Trang	02/03/1987		VKSND h.Thạch Thất, Hà Nội	64	84	212	
78	Bý Thị Minh Phương		21/10/1992	VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội	56	100	212	
79	Phạm Phú Ngọc Hùng	31/12/1994		VKSND q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	62	86	210	
80	Khuất Duy Tùng	27/07/1990		VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	61	88	210	
81	Nguyễn Văn Huy	12/07/1995		VKSND h.Ứng Hòa, Hà Nội	60	90	210	
82	Nguyễn Thị Tuyền		10/10/1994	VKSND h.Ứng Hòa, Hà Nội	58	94	210	
83	Đặng Thị Tâm		22/04/1989	VKSND q.Ba Đình, Hà Nội	56	96	208	
84	Nguyễn Hữu Kim Việt	30/06/1991		VKSND h.Hoài Đức, Hà Nội	63	80	206	
85	Phan Trung Hiếu	23/09/1993		VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội	62	82	206	
86	Nguyễn Kim Anh		28/08/1996	VKSND q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	61	82	204	
87	Nguyễn Thanh Bình		07/10/1995	VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội	59	86	204	
88	Dương Phi Hùng	17/05/1992		VKSND q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	56	92	204	
89	Đặng Anh Tuấn	14/12/1990		VKSND h.Đông Anh, Hà Nội	52	98	202	
90	Nguyễn Văn Anh		27/06/1993	VKSND q.Hà Đông, Hà Nội	64	72	200	
91	Nguyễn Phương Linh		03/03/1995	VKSND q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	64	72	200	
92	Đỗ Thị Thùy Dung		14/09/1992	VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội	57	86	200	
93	Nguyễn Ngọc Anh	24/11/1992		VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội	56	88	200	
94	Nguyễn Văn Cường	02/05/1993		VKSND h.Gia Lâm, Hà Nội	54	92	200	
95	Nguyễn Văn Huân	01/12/1993		VKSND h.Ba Vì, Hà Nội	60	80	200	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
96	Lê Quang Thiện	10/04/1995		VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội	53	94	200	
97	Nguyễn Hòa Trang		05/03/1995	VKSND TP.Hà Nội	59	82	200	
98	Trần Thị Thu Hà		29/09/1993	VKSND q.Đống Đa, Hà Nội	53	92	198	
99	Nguyễn Thùy Linh		03/07/1993	VKSND q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội	60	78	198	
100	Nguyễn Lê Phương Thủy		05/05/1991	VKSND q.Hà Đông, Hà Nội	54	90	198	
101	Nguyễn Thị Tố Trinh		24/03/1995	VKSND h.Đông Anh, Hà Nội	53	92	198	
102	Lê Thị Hương Nhụy		01/12/1993	VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội	52	94	198	
103	Phạm Thị Kiều Trang		21/11/1995	VKSND q.Hà Đông, Hà Nội	50	98	198	
104	Nguyễn Tuấn Anh	31/05/1995		VKSND h.Sóc Sơn, Hà Nội	60	76	196	
105	Nguyễn Ngọc Sơn	25/05/1994		VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội	53	88	194	
106	Nguyễn Thùy Hoa		28/04/1995	VKSND TP.Hà Nội	59	74	192	
107	Nguyễn Mậu Ngọc	29/05/1990		VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội	53	86	192	
108	Nguyễn Thị Minh Hà		26/12/1994	VKSND q.Tây Hồ, Hà Nội	52	88	192	
109	Đinh Thị Tố Nga		23/02/1995	VKSND h.Thạch Thất, Hà Nội	51	88	190	
110	Nguyễn Thị Thu Dương		11/02/1983	VKSND q.Long Biên, Hà Nội	50	88	188	
111	Thân Đình Trung	21/09/1991		VKSND q.Long Biên, Hà Nội	53	82	188	
112	Trương Quốc Anh	29/01/1985		VKSND TP.Hà Nội	58	70	186	
113	Trần Thị Thảo		11/06/1992	VKSND q.Nam Từ Liêm, Hà Nội	54	78	186	
114	Trần Xuân Long	29/10/1994		VKSND h.Quốc Oai, Hà Nội	50	82	182	
115	Dương Hồng Lực	19/05/1985		VKSND h.Mê Linh, Hà Nội	53	76	182	
116	Lê Cường	10/11/1994		VKSND h.Thanh Trì, Hà Nội	50	80	180	
117	Lê Thị Tươi		05/04/1993	VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội	55	70	180	
118	Phạm Sơn Anh	10/09/1994		VKSND q.Hoàng Mai, Hà Nội	56	66	178	
119	Trương Thạch Tú	11/08/1988		VKSND q.Tây Hồ, Hà Nội	50	72	172	
120	Trịnh Thị Hồng Thủy		05/01/1993	VKSND h.Mê Linh, Hà Nội	50	70	170	
121	Dương Thị Thủy		25/12/1987	VKSND TP.Hà Nội	45	78	168	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

1	Nguyễn Thị Diệu Thúy		22/4/1995	VKSND h.Hương Sơn, Hà Tĩnh	71	98	240	Trúng tuyển
2	Nguyễn Hồng Sơn	02/02/1995		VKSND TX.Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	71.5	96	239	Trúng tuyển
3	Nguyễn Quang Trung	03/7/1994		VKSND TX.Kỳ Anh, Hà Tĩnh	78	80	236	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
4	Đặng Văn Khánh	08/02/1989		VKSND h.Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	68	96	232	Trúng tuyển
5	Dương Thị Tâm		03/9/1987	VKSND h.Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	67	90	224	
6	Nguyễn Thị Cẩm Nhung		21/01/1993	VKSND TX.Kỳ Anh, Hà Tĩnh	59	96	214	
7	Hà Mạnh Cẩm	08/12/1986		VKSND h.Đức Thọ, Hà Tĩnh	62	88	212	
8	Trần Thị Thanh Quý		09/5/1990	VKSND TP.Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	61	90	212	
9	Trương Thị Việt Phương		20/01/1990	VKSND h.Thạch Hà, Hà Tĩnh	69	72	210	
10	Nguyễn Cẩm Thơ		20/11/1991	VKSND tỉnh Hà Tĩnh	59	92	210	
11	Lê Trà My		08/4/1993	VKSND tỉnh Hà Tĩnh	65	78	208	
12	Trương Phương Nga		26/12/1989	VKSND h.Can Lộc, Hà Tĩnh	51	94	196	
13	Nguyễn Thị Tú Anh		02/7/1992	VKSND h.Hương Sơn, Hà Tĩnh	52	82	186	
14	Lê Vũ Hoàng	16/11/1994		VKSND h.Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	52	82	186	
15	Lê Thị Phương Thảo		13/02/1987	VKSND h.Đức Thọ, Hà Tĩnh	50	76	176	
16	Nguyễn Thị Thương		03/02/1995	VKSND h.Vũ Quang, Hà Tĩnh	42	84	168	
17	Trần Thị Thu Hiền		07/4/1988	VKSND h.Thạch Hà, Hà Tĩnh	52	60	164	
18	Trần Thị Phương Mai		02/3/1992	VKSND tỉnh Hà Tĩnh	35	84	154	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

1	Tạ Hoàng Minh Thế	24/5/1993		VKSND h.Khoái Châu, Hưng Yên	75	96	246	Trúng tuyển
2	Nguyễn Tiến Luật	20/6/1985		VKSND tỉnh Hưng Yên	69	96	234	Trúng tuyển
3	Lê Công Tiệp	16/8/1988		VKSND tỉnh Hưng Yên	75	82	232	Trúng tuyển
4	Đặng Thị Thùy Trang		30/8/1990	VKSND TX.Mỹ Hào, Hưng Yên	74	72	220	Trúng tuyển
5	Vương Thị Diệu		14/9/1990	VKSND tỉnh Hưng Yên	64	86	214	
6	Lâm Thị Xuyến		07/5/1989	VKSND h.Khoái Châu, Hưng Yên	60	92	212	
7	Nguyễn Hữu Khả	29/01/1990		VKSND TX.Mỹ Hào, Hưng Yên	58	94	210	
8	Nguyễn Gia Phong	13/4/1990		VKSND TP.Hưng Yên, Hưng Yên	57	86	200	
9	Trần Trí Dũng	02/9/1991		VKSND h.Tiên Lữ, Hưng Yên	58	80	196	
10	Nguyễn Phú Tiệm	10/11/1982		VKSND h.Khoái Châu, Hưng Yên	52	90	194	
11	Phạm Văn Việt	14/02/1979		VKSND h.Ân Thi, Hưng Yên	56	74	186	
12	Dương Thị Thanh Tâm		13/8/1994	VKSND h.Tiên Lữ, Hưng Yên	50	74	174	
13	Nguyễn Huy Đạt	08/01/1983		VKSND h.Kim Động, Hưng Yên	50	70	170	
14	Vũ Hoàng Gia	20/8/1986		VKSND h.Ân Thi, Hưng Yên	50	68	168	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
15	Trần Xuân Trường	07/02/1977		VKSND h.Yên Mỹ, Hưng Yên	43	74	160	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU								
1	Nông Thị Bình		10/02/1995	VKSND h.Nậm Nhùn, Lai Châu	70	84	224	Trúng tuyển
2	Đặng Ngọc Anh		27/7/1993	VKSND h.Sìn Hồ, Lai Châu	65	88	218	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Loan		19/7/1989	VKSND h.Phong Thổ, Lai Châu	63	92	218	Trúng tuyển
4	Lò Phương Thảo		29/5/1995	VKSND h.Nậm Nhùn, Lai Châu	61	92	214	Trúng tuyển
5	Ngô Thị Bích Lành		07/10/1993	VKSND tỉnh Lai Châu	63	86	212	
6	Lò Trí Siêu	27/10/1988		VKSND h.Sìn Hồ, Lai Châu	62	82	206	
7	Đỗ Khải Tuấn	24/11/1988		VKSND h.Than Uyên, Lai Châu	58	84	200	
8	Mai Thị Thu Hà		16/11/1992	VKSND tỉnh Lai Châu	59	76	194	
9	Đặng Văn Huân	10/11/1984		VKSND h.Tam Đường, Lai Châu	56	80	192	
10	Đỗ Hoàng Giang	28/9/1993		VKSND h.Than Uyên, Lai Châu	58	70	186	
11	Nguyễn Thị Hạnh		21/9/1988	VKSND h.Than Uyên, Lai Châu	51	82	184	
12	Giàng Thị Dơ		03/4/1989	VKSND h.Mường Tè, Lai Châu	56	70	182	
13	Nguyễn Thị Thắm		29/6/1987	VKSND TP.Lai Châu, Lai Châu	50	76	176	
14	Lò Văn Đanh	12/8/1989		VKSND h.Tân Uyên, Lai Châu	50	64	164	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN								
1	Nguyễn Thị Linh Trang		22/12/1995	VKSND TP.Vinh, Nghệ An	79	94	252	Trúng tuyển
2	Trần Hoàng Minh	24/09/1994		VKSND h.Nghi Lộc, Nghệ An	78	94	250	Trúng tuyển
3	Lương Thị Thảo Linh		30/10/1995	VKSND h.Nghĩa Đàn, Nghệ An	79	90	248	Trúng tuyển
4	Nguyễn Công Sơn	21/10/1990		VKSND h.Quế Phong, Nghệ An	74	98	246	Trúng tuyển
5	Thái Thị Thùy Dương		20/11/1993	VKSND h.Tân Kỳ, Nghệ An	76	92	244	Trúng tuyển
6	Trương Thị Giang		02/08/1995	VKSND h.Quỳnh Lưu, Nghệ An	75	94	244	Trúng tuyển
7	Ngô Thị Hà		04/05/1995	VKSND TP.Vinh, Nghệ An	75	88	238	
8	Nguyễn Thị Tùng Linh		12/11/1994	VKSND tỉnh Nghệ An	68	96	232	
9	Nguyễn Mạnh Quyền	16/08/1995		VKSND tỉnh Nghệ An	72	88	232	
10	Hoàng Dũng	04/01/1992		VKSND h.Nam Đàn, Nghệ An	69	90	228	
11	Phan Thị Thắm		20/01/1994	VKSND h.Đô Lương, Nghệ An	66	96	228	
12	Bùi Thị Mai Hoa		25/09/1995	VKSND h.Anh Sơn, Nghệ An	68	90	226	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
13	Nguyễn Hương Ly		02/09/1995	VKSND h.Hưng Nguyên, Nghệ An	68	90	226	
14	Vì Ngọc Thái	01/04/1994		VKSND h.Quỳ Châu, Nghệ An	69	88	226	
15	Nguyễn Vũ Thanh Bình	17/12/1992		VKSND h.Kỳ Sơn, Nghệ An	65	92	222	
16	Nguyễn Thị Diệu Linh		11/12/1993	VKSND TP.Vinh, Nghệ An	67	88	222	
17	Nguyễn Thị Minh Trang		02/10/1995	VKSND TX.Cửa Lò, Nghệ An	68	86	222	
18	Nguyễn Huy Thắng	20/04/1994		VKSND h.Tương Dương, Nghệ An	65	90	220	
19	Hoàng Anh Dũng	08/07/1995		VKSND TX.Cửa Lò, Nghệ An	61	96	218	
20	Phạm Công Thanh	20/11/1995		VKSND h.Quỳ Hợp, Nghệ An	65	88	218	
21	Lê Hoàng Quân	17/11/1992		VKSND h.Quỳ Châu, Nghệ An	64	88	216	
22	Lê Anh Tuấn	10/12/1994		VKSND h.Diễn Châu, Nghệ An	63	88	214	
23	Phạm Anh Đức	08/09/1994		VKSND h.Tương Dương, Nghệ An	58	94	210	
24	Trần Hoàng Thắng	05/05/1995		VKSND h.Nghi Lộc, Nghệ An	60	90	210	
25	Hoàng Thị Hương		07/06/1995	VKSND h.Diễn Châu, Nghệ An	61	86	208	
26	Nguyễn Thị Phương Trang		19/12/1994	VKSND TX.Thái Hòa, Nghệ An	60	84	204	
27	Chu Văn Khoa	14/02/1994		VKSND h.Yên Thành, Nghệ An	56	84	196	
28	Trần Văn Phú	24/02/1994		VKSND h.Nam Đàn, Nghệ An	56	84	196	
29	Nguyễn Anh Quỳnh	20/05/1994		VKSND h.Tương Dương, Nghệ An	46	82	174	
30	Đinh Thị Khánh Linh		11/05/1995	VKSND h.Thanh Chương, Nghệ An	42	58	142	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH								
1	Lê Hoàng Hà	13/02/1995		VKSND h.Tiên Yên, Quảng Ninh	67	92	226	Trúng tuyển
2	Đỗ Ngọc Minh	07/8/1991		VKSND TP.Cẩm Phá, Quảng Ninh	68.5	88	225	Trúng tuyển
3	Đặng Đức Trung	08/02/1994		VKSND h.Hải Hà, Quảng Ninh	63	94	220	Trúng tuyển
4	Nguyễn Khánh	08/12/1994		VKSND h.Đầm Hà, Quảng Ninh	65	86	216	Trúng tuyển
5	Đoàn Thu Trang		11/8/1990	VKSND TP.Hạ Long, Quảng Ninh	62	92	216	Trúng tuyển
6	Vũ Nhật Tuấn	01/3/1990		VKSND TP.Hạ Long, Quảng Ninh	50	94	194	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG								
1	Nguyễn Minh Thảo		08/03/1993	VKSND q.Hải An, Hải Phòng	79	94	252	Trúng tuyển
2	Hoàng Thu Hiền		10/07/1991	VKSND q.Ngô Quyền, Hải Phòng	75	98	248	Trúng tuyển
3	Đào Thị Ngọc Mai		09/08/1992	VKSND q.Hải An, Hải Phòng	71	88	230	
4	Nguyễn Bích Ngọc		28/10/1991	VKSND q.Ngô Quyền, Hải Phòng	70	90	230	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
5	Nguyễn Thanh Bình	09/10/1993		VKSND h.An Dương, Hải Phòng	61	90	212	
6	Nguyễn Việt Hoàng	07/02/1992		VKSND q.Lê Chân, Hải Phòng	61	88	210	
7	Nguyễn Văn Duyên	20/03/1984		VKSND TP.Hải Phòng	58.5	90	207	
8	Nguyễn Hoàng Quý	05/04/1992		VKSND h.Kiến Thụy, Hải Phòng	57	90	204	
9	Nguyễn Việt Anh	22/08/1991		VKSND q.Hồng Bàng, Hải Phòng	52	84	188	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG								
1	Đàm Quang Vũ	18/8/1995		VKSND h.Hạ Lang, Cao Bằng	65	82	212	Trúng tuyển
2	Bế Việt Tiến	22/8/1994		VKSND h.Bảo Lâm, Cao Bằng	62	80	204	Trúng tuyển
3	Bùi Linh Hoa		12/02/1994	VKSND tỉnh Cao Bằng	54	88	196	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Trinh		12/7/1992	VKSND h.Hòa An, Cao Bằng	51	82	184	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN								
1	Nguyễn Huy Hoàng	10/10/1995		VKSND tỉnh Lạng Sơn	65	96	226	Trúng tuyển
2	Vũ Thị Huê		02/8/1993	VKSND h.Cao Lộc, Lạng Sơn	70	80	220	Trúng tuyển
3	Hoàng Kỳ Anh	09/11/1995		VKSND h.Hữu Lũng, Lạng Sơn	67	84	218	Trúng tuyển
4	Đào Ngọc Sơn	28/3/1995		VKSND h.Lộc Bình, Lạng Sơn	68	82	218	Trúng tuyển
5	Hoàng Thị Thúy		17/3/1995	VKSND h.Hữu Lũng, Lạng Sơn	62	94	218	Trúng tuyển
6	Nguyễn Phương Anh		24/11/1992	VKSND TP.Lạng Sơn, Lạng Sơn	66	80	212	Trúng tuyển
7	Ma Văn Duy	15/10/1992		VKSND TP.Lạng Sơn, Lạng Sơn	62	88	212	Trúng tuyển
8	Hoàng Thị Liên		30/7/1993	VKSND h.Chi Lăng, Lạng Sơn	65	82	212	Trúng tuyển
9	Lý Thu Thủy		15/9/1995	VKSND h.Bắc Sơn, Lạng Sơn	58	96	212	Trúng tuyển
10	Hoàng Thị Huyền		19/4/1992	VKSND h.Lộc Bình, Lạng Sơn	63	84	210	Trúng tuyển
11	Đoàn Đức Trọng	15/11/1995		VKSND h.Bắc Sơn, Lạng Sơn	50	90	190	Trúng tuyển
12	Vy Thị Thu		16/9/1992	VKSND h.Hữu Lũng, Lạng Sơn	50	78	178	Trúng tuyển
13	Nông Đức Hoài	19/12/1987		VKSND h.Đình Lập, Lạng Sơn	56	64	176	Trúng tuyển
14	Bế Khánh Linh		20/11/1993	VKSND tỉnh Lạng Sơn	40	84	164	
15	Ma Thành Trung	16/10/1994		VKSND h.Văn Lang, Lạng Sơn	40	80	160	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN								
1	Mạc Thị Hoàn		04/7/1987	VKSND h.Chợ Đồn, Bắc Kạn	59	86	204	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Kiều		19/11/1991	VKSND h.Bạch Thông, Bắc Kạn	52	98	202	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
3	Dương Thị Hoài Thu		27/5/1991	VKSND h.Na Rì, Bắc Kạn	41	76	158	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI								
1	Tráng A Đạt	15/8/1992		VKSND TX.Sa Pa, Lào Cai	72	80	224	Trúng tuyển
2	Lê Văn Anh		26/8/1992	VKSND h.Bắc Hà, Lào Cai	61	82	204	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thu Hương		16/02/1990	VKSND tỉnh Lào Cai	61	80	202	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH								
1	Bùi Thị Thanh Minh		06/9/1981	VKSND TP.Hòa Bình, Hòa Bình	75	84	234	Trúng tuyển
2	Vũ Thị Giang		24/8/1991	VKSND h.Cao Phong, Hòa Bình	69	78	216	Trúng tuyển
3	Vũ Thúy Hồng		08/3/1995	VKSND h.Cao Phong, Hòa Bình	68	76	212	Trúng tuyển
4	Trần Ngọc Mai		16/4/1991	VKSND h.Cao Phong, Hòa Bình	58	84	200	Trúng tuyển
5	Lê Thúy Quỳnh		30/10/1993	VKSND h.Mai Châu, Hòa Bình	59	80	198	Trúng tuyển
6	Nguyễn Duy Dương	05/8/1991		VKSND h.Lương Sơn, Hòa Bình	76	86	238	Không xác định trúng tuyển do chuyển công tác đến VKSND TP Hà Nội
7	Đinh Thị Ngọc Linh		17/3/1993	VKSND h.Lương Sơn, Hòa Bình	62	82	206	Không xác định trúng tuyển do chuyển công tác đến VKSND TP Hải Phòng
8	Nguyễn Đức Khánh	26/11/1994		VKSND h.Tân Lạc, Hòa Bình	51	88	190	
9	Trần Thu Hằng		10/10/1992	VKSND h.Yên Thủy, Hòa Bình	50	80	180	
10	Trần Thị Thùy Dương		19/5/1992	VKSND tỉnh Hòa Bình	51	66	168	
11	Nguyễn Thị Thùy Dung		15/7/1990	VKSND TP.Hòa Bình, Hòa Bình	41	72	154	
12	Bùi Hùng Cường	20/01/1985		VKSND h.Đà Bắc, Hòa Bình	43	60	146	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH								
1	Đoàn Xuân Thảo	01/02/1993		VKSND h.Quế Võ, Bắc Ninh	77	98	252	Trúng tuyển
2	Phạm Thị Điệp		28/02/1980	VKSND tỉnh Bắc Ninh	81	88	250	
3	Nguyễn Thị Yên		14/9/1991	VKSND h.Quế Võ, Bắc Ninh	75	96	246	
4	Nguyễn Thị Phương Hoa		16/7/1995	VKSND tỉnh Bắc Ninh	75	90	240	
5	Vũ Thị Thanh Hằng		07/11/1995	VKSND TP.Bắc Ninh, Bắc Ninh	70.5	94	235	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
6	Nguyễn Mạnh Linh	18/02/1990		VKSND h.Tiên Du, Bắc Ninh	68	92	228	
7	Vũ Thị Minh Phương		21/12/1993	VKSND tỉnh Bắc Ninh	66	90	222	
8	Nguyễn Thị Minh Lý		25/11/1992	VKSND TP.Từ Sơn, Bắc Ninh	65	90	220	
9	Lê Thế Hưng	09/11/1991		VKSND h.Yên Phong, Bắc Ninh	64	90	218	
10	Trần Thanh Toàn	19/9/1981		VKSND h.Thuận Thành, Bắc Ninh	60	92	212	
11	Trương Khắc Dương	31/7/1992		VKSND TP.Bắc Ninh, Bắc Ninh	60	88	208	
12	Nguyễn Đỗ Dương	15/7/1988		VKSND TP.Từ Sơn, Bắc Ninh	59	86	204	
13	Nguyễn Tài Dương	02/7/1990		VKSND tỉnh Bắc Ninh	57	84	198	
14	Vũ Văn Đại	23/4/1994		VKSND tỉnh Bắc Ninh	54	86	194	
15	Đỗ Quỳnh Anh		25/11/1995	VKSND TP.Từ Sơn, Bắc Ninh	58	76	192	
16	Lương Đức Huyền	10/01/1987		VKSND h.Yên Phong, Bắc Ninh	57	76	190	
17	Lương Minh Hà		08/8/1987	VKSND h.Thuận Thành, Bắc Ninh	55	80	190	
18	Đỗ Thị Quỳnh Anh		01/8/1990	VKSND tỉnh Bắc Ninh	53	82	188	
19	Lê Thị Thúy Diệp		06/6/1985	VKSND h.Yên Phong, Bắc Ninh	50	84	184	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

1	Phạm Thị Duyên		07/4/1995	VKSND h.Trực Ninh, Nam Định	72	82	226	Trúng tuyển
2	Cao Thị Hồng Nhung		07/11/1995	VKSND h.Nghĩa Hưng, Nam Định	65	92	222	Trúng tuyển
3	Lê Văn Duẩn	06/4/1995		VKSND h.Xuân Trường, Nam Định	68	82	218	
4	Vũ Thị Thanh Hiền		24/10/1994	VKSND h.Nam Trực, Nam Định	66	80	212	
5	Vũ Quỳnh Mai		13/02/1994	VKSND TP.Nam Định, Nam Định	63	84	210	
6	Đặng Trung Hiếu	01/8/1995		VKSND h.Trực Ninh, Nam Định	60	86	206	
7	Mai Hoàng Hải	06/12/1994		VKSND TP.Nam Định, Nam Định	60	84	204	
8	Vũ Thúy Phương		15/9/1993	VKSND tỉnh Nam Định	60	82	202	
9	Bùi Ngọc Khánh	16/01/1995		VKSND TP.Nam Định, Nam Định	57	84	198	
10	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		29/9/1993	VKSND h.Vụ Bản, Nam Định	57	84	198	
11	Nguyễn Phạm Ngọc Nam	20/01/1992		VKSND h.Vụ Bản, Nam Định	55	88	198	
12	Phạm Ngọc Dũng	20/4/1994		VKSND h.Vụ Bản, Nam Định	59	76	194	
13	Vũ Quốc Đạt	04/4/1992		VKSND h.Xuân Trường, Nam Định	51	86	188	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

1	Hoàng Nguyễn Bảo Anh		25/12/1993	VKSND h.Triệu Sơn, Thanh Hóa	78	94	250	Trúng tuyển
---	----------------------	--	------------	------------------------------	----	----	-----	-------------

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
2	Phạm Minh Nghiêm	04/11/1988		VKSND h.Thạch Thành, Thanh Hóa	81	80	242	Trúng tuyển
3	Bùi Thanh Hưng	17/04/1989		VKSND h.Thường Xuân, Thanh Hóa	75	90	240	Trúng tuyển
4	Hoàng Hải Yến		06/5/1993	VKSND h.Như Xuân, Thanh Hóa	63	94	220	Trúng tuyển
5	La Văn Trình	22/05/1994		VKSND h.Quan Hóa, Thanh Hóa	60	96	216	Trúng tuyển
6	Nguyễn Hồng Quân	08/10/1995		VKSND h.Quan Sơn, Thanh Hóa	65	80	210	
7	Trần Anh Tuấn	20/04/1988		VKSND TP.Thanh Hóa, Thanh Hóa	60	84	204	
8	Nguyễn Thị Thương		07/8/1988	VKSND h.Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	59	86	204	
9	Quách Thị Vân		20/11/1988	VKSND h.Như Xuân, Thanh Hóa	56	92	204	
10	Vũ Thị Thanh Tâm		13/07/1991	VKSND h.Triệu Sơn, Thanh Hóa	55	92	202	
11	Nguyễn Việt Hùng	20/07/1989		VKSND h.Cẩm Thủy, Thanh Hóa	54	92	200	
12	Phan Thị Thùy		25/10/1990	VKSND h.Triệu Sơn, Thanh Hóa	63	72	198	
13	Phạm Thùy Dương		03/02/1989	VKSND h.Cẩm Thủy, Thanh Hóa	56	82	194	
14	Nguyễn Xuân Cường	30/04/1990		VKSND h.Như Xuân, Thanh Hóa	55	82	192	
15	Dương Tuấn Anh	25/12/1990		VKSND h.Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	50	90	190	
16	Trịnh Hữu Dương	12/02/1994		VKSND h.Mường Lát, Thanh Hóa	50	82	182	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

1	Chu Xuân Trường	15/6/1995		VKSND h.Quỳnh Phụ, Thái Bình	72	92	236	Trúng tuyển
2	Bùi Thị Thùy Chinh		16/02/1995	VKSND h.Thái Thụy, Thái Bình	70	92	232	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Huế		11/8/1993	VKSND h.Đông Hưng, Thái Bình	68	90	226	Trúng tuyển
4	Phạm Thị Thu Huyền		10/11/1992	VKSND h.Đông Hưng, Thái Bình	65	94	224	Trúng tuyển
5	Phạm Ngọc Trang		25/02/1993	VKSND h.Kiến Xương, Thái Bình	70	82	222	
6	Nguyễn Thị Toan		26/7/1991	VKSND h.Hưng Hà, Thái Bình	65	90	220	
7	Quách Thị Phương		18/4/1979	VKSND TP.Thái Bình, Thái Bình	68	74	210	
8	Lê Minh Đạo	22/10/1995		VKSND TP.Thái Bình, Thái Bình	61	84	206	
9	Mai Duy Minh	30/8/1991		VKSND h.Kiến Xương, Thái Bình	59	84	202	
10	Hoàng Thị Thanh Xuân		18/3/1995	VKSND h.Vũ Thư, Thái Bình	52	96	200	
11	Bùi Văn Phúc	28/6/1985		VKSND h.Quỳnh Phụ, Thái Bình	61	74	196	
12	Đỗ Hồng Bảo Ngọc		27/12/1995	VKSND h.Vũ Thư, Thái Bình	58	80	196	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

1	Nguyễn Đình Núi	27/8/1979		VKSND h.Tân Sơn, Phú Thọ	80	88	248	Trúng tuyển
---	-----------------	-----------	--	--------------------------	----	----	-----	-------------

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
2	Lê Hoàng Đăng	13/01/1995		VKSND TP.Việt Trì, Phú Thọ	75	94	244	Trúng tuyển
3	Phạm Ngọc Nam	24/4/1990		VKSND h.Hạ Hòa, Phú Thọ	75	84	234	Trúng tuyển
4	Nguyễn Phương Dung		10/6/1989	VKSND h.Tam Nông, Phú Thọ	67	90	224	
5	Nguyễn Thu Nga		15/9/1995	VKSND h.Cẩm Khê, Phú Thọ	70	82	222	
6	Lê Đức Anh	05/02/1987		VKSND TP.Việt Trì, Phú Thọ	70	80	220	
7	Ngô Duy Long	12/12/1991		VKSND h.Phù Ninh, Phú Thọ	63	94	220	
8	Nguyễn Phương Thúy		04/10/1993	VKSND h.Lâm Thao, Phú Thọ	65	88	218	
9	Nguyễn Hương Giang		26/10/1991	VKSND tỉnh Phú Thọ	69	72	210	
10	Trịnh Huy Phương	16/7/1987		VKSND h.Phù Ninh, Phú Thọ	64	80	208	
11	Ngô Xuân Hiếu	31/01/1985		VKSND h.Thanh Ba, Phú Thọ	59	86	204	
12	Trần Xuân Trường	12/5/1990		VKSND h.Cẩm Khê, Phú Thọ	59	84	202	
13	Đỗ Hoàng Huyền My		13/01/1995	VKSND TP.Việt Trì, Phú Thọ	53	88	194	
14	Hoàng Tiến Hòa	22/10/1980		VKSND TX.Phú Thọ, Phú Thọ	55	74	184	
15	Vũ Thế Chung	15/02/1990		VKSND h.Đoan Hùng, Phú Thọ	50	76	176	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

1	Đoàn Thị Bích Ngọc		13/12/1991	VKSND h.Trần Yên, Yên Bái	73	92	238	Trúng tuyển
2	Lý A Việt	15/10/1995		VKSND h.Mù Cang Chải, Yên Bái	72	80	224	Trúng tuyển
3	Nguyễn Văn Linh	18/9/1994		VKSND h.Lục Yên, Yên Bái	75	70	220	Trúng tuyển
4	Chu Huy Ánh	18/10/1988		VKSND h.Trạm Tấu, Yên Bái	68	84	220	Trúng tuyển
5	Ngô Thùy Dương		11/7/1995	VKSND TP.Yên Bái, Yên Bái	65	84	214	Trúng tuyển
6	Hoàng Hiệp	10/12/1995		VKSND tỉnh Yên Bái	58	88	204	Trúng tuyển
7	Lương Chi Phương		12/4/1994	VKSND h.Yên Bình, Yên Bái	54	90	198	Trúng tuyển
8	Trần Thị Thu		16/3/1983	VKSND tỉnh Yên Bái	57	76	190	Trúng tuyển
9	Hoàng Thị Cẩm Tú		17/8/1994	VKSND h.Lục Yên, Yên Bái	50	88	188	
10	Hà Đức Anh	08/9/1995		VKSND h.Yên Bình, Yên Bái	53	78	184	
11	Đèo Thị Mai Hoa		07/02/1990	VKSND TX.Nghĩa Lộ, Yên Bái	41	72	154	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

1	Đàm Thị Trang		25/01/1988	VKSND h.Kim Thành, Hải Dương	79	76	234	Trúng tuyển
2	Lê Phương Dung		19/6/1994	VKSND TP.Hải Dương, Hải Dương	66	88	220	Trúng tuyển
3	Lê Thanh Tùng	09/12/1979		VKSND h.Cẩm Giàng, Hải Dương	59	92	210	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
4	Nguyễn Thanh Vân		23/10/1993	VKSND h.Gia Lộc, Hải Dương	65	78	208	
5	Phạm Thị Diễm		05/01/1993	VKSND h.Gia Lộc, Hải Dương	54	100	208	
6	Hoàng Đắc Thắng	26/11/1994		VKSND TP.Chí Linh, Hải Dương	53	70	176	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

1	Lương Ngọc Tuyết	20/5/1994		VKSND h.Phú Lương, Thái Nguyên	76	86	238	Trúng tuyển
2	Vũ Đăng Huy	17/02/1989		VKSND TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên	79	76	234	Trúng tuyển
3	Nguyễn Quang Thành	25/9/1995		VKSND h.Phú Bình, Thái Nguyên	70	84	224	Trúng tuyển
4	Trần Lê Hưng	08/10/1991		VKSND TP.Phổ Yên, Thái Nguyên	67	88	222	
5	Lê Huỳnh Việt Long	04/3/1995		VKSND TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên	66	86	218	
6	Hoàng Thanh Nhã	16/10/1988		VKSND h.Võ Nhai, Thái Nguyên	74	68	216	
7	Nguyễn Thùy Dương		05/9/1994	VKSND h.Phú Bình, Thái Nguyên	72	66	210	
8	La Hoàng Ly		26/8/1986	VKSND h.Đồng Hỷ, Thái Nguyên	68	64	200	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

1	Hà Văn Liên	17/7/1989		VKSND h.Quỳnh Nhai, Sơn La	77	94	248	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thành Vinh	22/3/1993		VKSND h.Mai Sơn, Sơn La	75	94	244	Trúng tuyển
3	Bùi Thị Thủy Tiên		03/9/1993	VKSND tỉnh Sơn La	74	92	240	Trúng tuyển
4	Bế Hoàng Dương	10/12/1994		VKSND h.Mường La, Sơn La	78	78	234	Trúng tuyển
5	Nguyễn Thị Thùy Dương		01/10/1993	VKSND TP.Sơn La, Sơn La	67	88	222	
6	Triệu Thị Thúy An		12/6/1990	VKSND h.Phù Yên, Sơn La	69	72	210	
7	Sòi Hùng Thịnh	28/10/1992		VKSND h.Bắc Yên, Sơn La	66	78	210	
8	Lò Thu Hiền		04/6/1992	VKSND tỉnh Sơn La	65	80	210	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

1	Bùi Hoàng Thao	23/01/1995		VKSND TP.Ninh Bình, Ninh Bình	78	88	244	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung		30/5/1990	VKSND tỉnh Ninh Bình	74	84	232	Trúng tuyển
3	Đinh Thị Loan		04/10/1992	VKSND tỉnh Ninh Bình	66	96	228	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Mai Duyên		04/5/1991	VKSND tỉnh Ninh Bình	62	96	220	
5	Phan Văn Tuyến	28/12/1991		VKSND h.Nho Quan, Ninh Bình	63	84	210	
6	Nguyễn Thị Dung		03/02/1988	VKSND h.Gia Viễn, Ninh Bình	62	82	206	
7	Phạm Ngọc Hoà	25/5/1987		VKSND h.Yên Mô, Ninh Bình	60	86	206	
8	Vũ Anh Bằng	14/11/1978		VKSND h.Nho Quan, Ninh Bình	57	70	184	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
9	Nguyễn Trường Minh	11/3/1991		VKSND h.Hoa Lư, Ninh Bình	50	82	182	
10	Đỗ Tiến Dũng	16/2/1987		VKSND tỉnh Ninh Bình	35	84	154	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC								
1	Triệu Minh Hà	19/8/1988		VKSND TP.Phúc Yên, Vĩnh Phúc	78	94	250	Trúng tuyển
2	Cao Hồng Linh		19/4/1993	VKSND tỉnh Vĩnh Phúc	79	84	242	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Kim Huyền		03/9/1994	VKSND tỉnh Vĩnh Phúc	76	84	236	Trúng tuyển
4	Nguyễn Mạnh Tường	23/8/1994		VKSND tỉnh Vĩnh Phúc	75	76	226	
5	Đoàn Tuấn Linh	05/8/1995		VKSND TP.Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	72	80	224	
6	Nguyễn Văn Anh		19/10/1994	VKSND h.Tam Dương, Vĩnh Phúc	68	86	222	
7	Phạm Thùy Linh		13/02/1993	VKSND h.Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	68	84	220	
8	Cao Thị Nga		23/12/1992	VKSND tỉnh Vĩnh Phúc	63	88	214	
9	Nguyễn Thị Tuyết		20/5/1991	VKSND TP.Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	60	88	208	
10	Lê Minh Hùng	22/4/1995		VKSND tỉnh Vĩnh Phúc	52	90	194	
11	Phùng Đức Tùng	08/10/1995		VKSND h.Lập Thạch, Vĩnh Phúc	58	72	188	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG								
1	Lê Hải Dũng	15/10/1979		VKSND h.Yên Sơn, Tuyên Quang	79	86	244	Trúng tuyển
2	Phạm Thị Hoàng Anh		31/5/1993	VKSND TP.Tuyên Quang, Tuyên Quang	69	94	232	Trúng tuyển
3	Vũ Thị Hiền Nhung		08/12/1991	VKSND h.Sơn Dương, Tuyên Quang	72	84	228	
4	Hoàng Thị Ngọc Mai		14/8/1991	VKSND h.Sơn Dương, Tuyên Quang	67	84	218	
5	Trần Quyết Thắng	30/5/1978		VKSND h.Sơn Dương, Tuyên Quang	46	64	156	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG								
1	Bùi Ngọc Huyền		29/8/1995	VKSND h.Bắc Quang, Hà Giang	73	86	232	Trúng tuyển
2	Lù Phương Thảo		27/4/1994	VKSND h.Xín Mần, Hà Giang	67	88	222	Trúng tuyển
3	Vương Chí Hiếu	28/10/1993		VKSND h.Quang Bình, Hà Giang	61	76	198	Trúng tuyển
4	Sin Văn Đức	07/02/1994		VKSND h.Xín Mần, Hà Giang	59	80	198	Trúng tuyển
5	Mai Minh Thuyết	06/02/1995		VKSND h.Yên Minh, Hà Giang	57	84	198	Trúng tuyển
6	Hoàng Đức Việt	12/7/1995		VKSND h.Yên Minh, Hà Giang	55	72	182	
7	Giàng Minh Lúa	20/8/1993		VKSND h.Bắc Mê, Hà Giang	50	82	182	
8	Hoàng Thị Loan		26/12/1994	VKSND h.Vị Xuyên, Hà Giang	43	78	164	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM								

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
1	Trần Văn Nghĩa	19/5/1995		VKSND TP.Phủ Lý, Hà Nam	77	88	242	Trúng tuyển
2	Vũ Thị Kim Oanh		06/8/1995	VKSND h.Thanh Liêm, Hà Nam	72	94	238	Trúng tuyển
3	Trần Văn Khải	25/8/1994		VKSND h.Lý Nhân, Hà Nam	71	94	236	Trúng tuyển
4	Lại Thị Thu Trang		02/11/1989	VKSND TP.Phủ Lý, Hà Nam	67	98	232	Trúng tuyển
5	Lê Thị Thu Trang		14/02/1986	VKSND h.Bình Lục, Hà Nam	70	90	230	
6	Phạm Minh Dũng	10/8/1995		VKSND TP.Phủ Lý, Hà Nam	64	98	226	
7	Lê Lan Anh		05/6/1991	VKSND tỉnh Hà Nam	67	90	224	
8	Lương Thành Công	30/10/1989		VKSND TX.Duy Tiên, Hà Nam	66	82	214	
9	Trần Thị Thu Hà		07/9/1994	VKSND TP.Phủ Lý, Hà Nam	61	90	212	
10	Mai Thị Hương		01/5/1990	VKSND h.Bình Lục, Hà Nam	60	90	210	
11	Ngô Đức Đạt	11/11/1995		VKSND tỉnh Hà Nam	50	92	192	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

1	Phan Thị Thanh Hiền		04/9/1992	VKSND h.Gio Linh, Quảng Trị	70	96	236	Trúng tuyển
2	Thái Hà Thu		30/01/1994	VKSND TP.Đông Hà, Quảng Trị	66	82	214	Trúng tuyển
3	Hồ Thiên Trang		18/02/1995	VKSND h.Cam Lộ, Quảng Trị	61	92	214	Trúng tuyển
4	Đoàn Thị Thanh Hoài		28/11/1995	VKSND h.Đakrông, Quảng Trị	60	92	212	Trúng tuyển
5	Nguyễn Thành Luân	27/11/1993		VKSND tỉnh Quảng Trị	57	90	204	Trúng tuyển
6	Phạm Hoàng Thùy Tiên		11/5/1993	VKSND TP.Đông Hà, Quảng Trị	57	88	202	Trúng tuyển
7	Hoàng Văn Vinh	24/7/1990		VKSND h.Hướng Hóa, Quảng Trị	55	92	202	Trúng tuyển
8	Hoàng Thị Khánh Linh		08/3/1993	VKSND h.Cam Lộ, Quảng Trị	54	94	202	Trúng tuyển
9	Nguyễn Phi Hùng	16/9/1989		VKSND tỉnh Quảng Trị	55	88	198	Trúng tuyển

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

1	Lê Thị Cẩm Thi		10/6/1994	VKSND h.Phú Tân, An Giang	70	96	236	Trúng tuyển
2	Nguyễn Phương Thảo		27/4/1995	VKSND h.An Phú, An Giang	68	88	224	Trúng tuyển
3	Trần Thị Thanh Nga		03/8/1995	VKSND h.Tịnh Biên, An Giang	65	94	224	Trúng tuyển
4	Cù Minh Hoàng	06/02/1995		VKSND h.Châu Thành, An Giang	65	92	222	Trúng tuyển
5	Nguyễn Chí Thanh	01/4/1995		VKSND tỉnh An Giang	60	90	210	Trúng tuyển
6	Phạm Thị Thu Hương		09/02/1994	VKSND tỉnh An Giang	59	92	210	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
7	Trần Thị Mộng Thu		10/12/1995	VKSND tỉnh An Giang	58	92	208	Trúng tuyển
8	Nguyễn Vĩnh Tín	30/8/1995		VKSND tỉnh An Giang	57	90	204	Trúng tuyển
9	Hồ Duy Linh	15/01/1994		VKSND tỉnh An Giang	53	90	196	Trúng tuyển
10	Lê Tùng Dương	31/7/1995		VKSND tỉnh An Giang	51	94	196	Trúng tuyển
11	Huỳnh Ngọc Minh Châu		01/5/1995	VKSND tỉnh An Giang	53	84	190	
12	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc		01/5/1992	VKSND tỉnh An Giang	50	88	188	
13	Lê Trần Long	25/4/1993		VKSND h.Chợ Mới, An Giang	46	90	182	
14	Lê Thị Ngọc		16/02/1994	VKSND h.Chợ Mới, An Giang	52	76	180	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

1	Nguyễn Trung Tín	26/9/1991		VKSND h.Chợ Lách, Bến Tre	73	76	222	Trúng tuyển
2	Phan Hoàng Quý	09/01/1992		VKSND tỉnh Bến Tre	69	82	220	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thanh Tuấn	08/4/1995		VKSND h.Bình Đại, Bến Tre	62	90	214	Trúng tuyển
4	Huỳnh Thanh Thùy		25/02/1994	VKSND tỉnh Bến Tre	62	88	212	Trúng tuyển
5	Lê Thị Cẩm Tú		12/01/1984	VKSND h.Thạnh Phú, Bến Tre	58	78	194	
6	Nguyễn Thị Ngọc Hiền		28/3/1995	VKSND TP.Bến Tre, Bến Tre	52	80	184	
7	Võ Thị Minh Trang		21/4/1988	VKSND h.Ba Tri, Bến Tre	50	80	180	
8	Đào Văn Trong	13/4/1985		VKSND h.Giồng Trôm, Bến Tre	50	80	180	
9	Trần Quốc Việt	02/9/1988		VKSND tỉnh Bến Tre	41	74	156	
10	Nguyễn Văn Nhanh	20/6/1986		VKSND TP.Bến Tre, Bến Tre	36	82	154	
11	Huỳnh Văn Gặp	14/11/1990		VKSND h.Mỏ Cày Nam, Bến Tre	35	84	154	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

1	Tạ Duy Biên	16/4/1992		VKSND tỉnh Bình Dương	80	88	248	Trúng tuyển
2	Diệp Ngọc Dinh		19/4/1995	VKSND tỉnh Bình Dương	75	96	246	Trúng tuyển
3	Trần Thị Thu Ngân		23/4/1995	VKSND TP.Thuận An, Bình Dương	65	88	218	Trúng tuyển
4	Nguyễn Văn Trung	06/7/1993		VKSND TX.Bến Cát, Bình Dương	69	74	212	
5	Đặng Thị Thanh Trúc		08/8/1989	VKSND TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương	60	88	208	
6	Nguyễn Thị Thu Hằng		06/3/1995	VKSND h.Phú Giáo, Bình Dương	60	86	206	
7	Nguyễn Hoàng Trung	05/4/1994		VKSND tỉnh Bình Dương	50	90	190	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
8	Nguyễn Duy Anh	29/8/1994		VKSND tỉnh Bình Dương	59	66	184	
9	Nguyễn Văn Thắng	01/5/1994		VKSND tỉnh Bình Dương	50	82	182	
10	Phùng Thị Thảo		20/4/1994	VKSND tỉnh Bình Dương	50	72	172	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG								
1	Phan Thị Hồng Nhung		16/12/1991	VKSND q.Thanh Khê, Đà Nẵng	68	84	220	Trúng tuyển
2	Trương Thị Thùy Dương		12/8/1992	VKSND q.Hải Châu, Đà Nẵng	60	94	214	Trúng tuyển
3	Phạm Thị Thu Hiền		23/01/1987	VKSND q.Liên Chiểu, Đà Nẵng	63	74	200	Trúng tuyển
4	Đoàn Văn Thanh	03/01/1969		VKSND q.Sơn Trà, Đà Nẵng	50	86	186	Trúng tuyển
5	Trần Văn Đức	01/6/1988		VKSND q.Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	52	78	182	Trúng tuyển
6	Lê Thế Vũ	15/12/1986		VKSND q.Cẩm Lệ, Đà Nẵng	48	90	186	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG								
1	Nguyễn Mạnh Cường	02/02/1994		VKSND TP.Gia Nghĩa, Đắk Nông	70	86	226	Trúng tuyển
2	Bùi Thị Cẩm Tú		06/4/1993	VKSND TP.Gia Nghĩa, Đắk Nông	70	78	218	Trúng tuyển
3	Nguyễn Đình Khánh	25/01/1995		VKSND tỉnh Đắk Nông	64	76	204	
4	Nguyễn Thị Cẩm Linh		10/02/1994	VKSND h.Đắk R'lấp, Đắk Nông	61	82	204	
5	Lại Thị Huyền		02/08/1993	VKSND h.Đắk Mil, Đắk Nông	59	84	202	
6	Lê Thị Yến		22/9/1994	VKSND tỉnh Đắk Nông	61	68	190	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI								
1	Nguyễn Thị Thạch Thảo		14/08/1993	VKSND TP.Long Khánh, Đồng Nai	65	90	220	Trúng tuyển
2	Phan Anh Sơn	30/10/1990		VKSND h.Định Quán, Đồng Nai	65	82	212	Trúng tuyển
3	Bùi Thị Thu Thảo		22/10/1991	VKSND TP.Biên Hoà, Đồng Nai	61	86	208	Trúng tuyển
4	Nguyễn Văn Quỳnh	17/4/1992		VKSND h.Xuân Lộc, Đồng Nai	56	96	208	Trúng tuyển
5	Nguyễn Thị Cẩm Thu		15/7/1994	VKSND tỉnh Đồng Nai	56	96	208	Trúng tuyển
6	Trần Thị Tình		26/7/1993	VKSND h.Long Thành, Đồng Nai	61	84	206	Trúng tuyển
7	Nguyễn Huy Thành	23/11/1992		VKSND h.Thống Nhất, Đồng Nai	58	90	206	
8	Ngô Thị Có		06/7/1993	VKSND h.Định Quán, Đồng Nai	65	70	200	
9	Nguyễn Hải Đăng	01/9/1992		VKSND h.Vĩnh Cửu, Đồng Nai	56	86	198	
10	Tổng Khánh Linh		25/8/1993	VKSND TP.Biên Hoà, Đồng Nai	57	82	196	
11	Nguyễn Thị Hiền		19/01/1993	VKSND tỉnh Đồng Nai	60	72	192	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
12	Hoàng Anh Đức	19/12/1992		VKSND h.Xuân Lộc, Đồng Nai	54	84	192	
13	Vũ Thành Minh	18/10/1982		VKSND tỉnh Đồng Nai	57	74	188	
14	Cao Xuân Dũng	02/9/1991		VKSND h.Nhon Trạch, Đồng Nai	55	78	188	
15	Bùi Quang Tuấn	06/8/1994		VKSND h.Thống Nhất, Đồng Nai	51	86	188	
16	Nguyễn Thanh Hải	24/8/1990		VKSND h.Cẩm Mỹ, Đồng Nai	59	68	186	
17	Nguyễn Ngọc Duy	06/9/1993		VKSND h.Trảng Bom, Đồng Nai	58	70	186	
18	Trần Huỳnh Đức Hưng	03/5/1993		VKSND h.Nhon Trạch, Đồng Nai	50	84	184	
19	Ma Thế Việt	10/10/1991		VKSND TP.Biên Hoà, Đồng Nai	52	78	182	
20	Hoàng Mai Ly		02/10/1992	VKSND tỉnh Đồng Nai	51	80	182	
21	Đỗ Thị Hậu		08/7/1994	VKSND TX.Nghi Sơn, Thanh Hóa	51	66	168	Đã chuyển công tác đến VKSND tỉnh Thanh Hóa
22	Nguyễn Thị Lan Anh		15/6/1993	VKSND h.Trảng Bom, Đồng Nai	50	64	164	
23	Lê Bá Bình	20/3/1993		VKSND h.Xuân Lộc, Đồng Nai	44	64	152	
24	Đặng Quang Dũng	02/10/1982		VKSND TP.Long Khánh, Đồng Nai	52	40	144	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

1	Nguyễn Thị Thu Hằng		07/12/1993	VKSND TP.Bảo Lộc, Lâm Đồng	72	88	232	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Hằng		10/6/1994	VKSND h.Lâm Hà, Lâm Đồng	68.5	82	219	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thành Trung	24/12/1993		VKSND TP.Bảo Lộc, Lâm Đồng	60	92	212	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Ngọc Thùy		21/3/1979	VKSND tỉnh Lâm Đồng	55	82	192	Trúng tuyển
5	Nguyễn Đăng Đạt	12/01/1994		VKSND TP.Đà Lạt, Lâm Đồng	54	80	188	
6	Lê Minh Huy	25/7/1985		VKSND h.Đơn Dương, Lâm Đồng	53	80	186	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

1	Lê Quang Phú	30/3/1989		VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế	72	90	234	Trúng tuyển
2	Nguyễn Duy Thành	28/7/1992		VKSND TX.Hương Trà, Thừa Thiên Huế	53	88	194	
3	Nguyễn Quang Hiếu Trung	22/8/1981		VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế	50	82	182	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

1	Nguyễn Trọng Tư	16/8/1995		VKSND h.Quế Sơn, Quảng Nam	78	92	248	Trúng tuyển
2	Võ Hồng Lợi		21/6/1992	VKSND tỉnh Quảng Nam	79	74	232	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
3	Đinh Thị Đoàn Trang		28/7/1991	VKSND h.Thăng Bình, Quảng Nam	72	88	232	Trúng tuyển
4	Nguyễn Trịnh Hồng Linh		14/10/1994	VKSND tỉnh Quảng Nam	71.5	82	225	Trúng tuyển
5	Mai Thanh Tuyền		19/10/1991	VKSND TX.Điện Bàn, Quảng Nam	70	84	224	Trúng tuyển
6	Phan Ngọc Quả	23/01/1993		VKSND h.Bắc Trà My, Quảng Nam	67.5	86	221	Trúng tuyển
7	Lê Thanh Thủy		08/6/1992	VKSND tỉnh Quảng Nam	60	88	208	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI								
1	Từ Phương Linh		05/9/1995	VKSND h.Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	62	78	202	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Thủy		15/02/1992	VKSND h.Sơn Hà, Quảng Ngãi	61	80	202	Trúng tuyển
3	Trần Phương Duy	10/4/1995		VKSND h.Đức Phổ, Quảng Ngãi	60	80	200	Trúng tuyển
4	Lê Văn Minh	16/10/1989		VKSND h.Sơn Tây, Quảng Ngãi	56	88	200	
5	Nguyễn Thị Tuyết Mai		04/5/1992	VKSND h.Minh Long, Quảng Ngãi	51	84	186	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA								
1	Trương Văn Quang	29/12/1993		VKSND h.Cam Lâm, Khánh Hòa	54	80	188	Trúng tuyển
2	Phan Văn Công	14/4/1994		VKSND h.Diên Khánh, Khánh Hòa	51	78	180	Trúng tuyển
3	Nguyễn Cẩm Nhung		22/9/1987	VKSND TP.Nha Trang, Khánh Hòa	52	72	176	Trúng tuyển
4	Lê Trần Nhật Duy	28/6/1994		VKSND h.Cam Lâm, Khánh Hòa	42	74	158	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI								
1	Nguyễn Phan Quỳnh Như		23/11/1990	VKSND TP.Pleiku, Gia Lai	79	86	244	Trúng tuyển
2	Lê Thị Thu Hương		20/5/1992	VKSND tỉnh Gia Lai	72	90	234	Trúng tuyển
3	Ngô Thị Ái Quyên		03/01/1995	VKSND TP.Pleiku, Gia Lai	69	86	224	Trúng tuyển
4	Nguyễn Văn Dương	01/8/1991		VKSND tỉnh Gia Lai	71	80	222	Trúng tuyển
5	Nguyễn Quang Đạt	28/6/1992		VKSND h.KBang, Gia Lai	64	94	222	Trúng tuyển
6	Trần Ngọc Anh	01/6/1986		VKSND TX.Ayun Pa, Gia Lai	67	86	220	
7	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		15/4/1993	VKSND h.Đắk Pơ, Gia Lai	66	88	220	
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền		24/6/1993	VKSND h.Ia Grai, Gia Lai	64	90	218	
9	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		29/11/1989	VKSND h.Mang Yang, Gia Lai	67	84	218	
10	Lê Xuân Quang	03/3/1993		VKSND h.Kông Chro, Gia Lai	65	86	216	
11	Lê Ngọc Huyền Trân		21/9/1995	VKSND h.Đắk Đoa, Gia Lai	62	86	210	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
12	Võ Thị Nhuận		08/3/1987	VKSND h.Đức Cơ, Gia Lai	75	54	204	
13	Trần Thu Thủy		22/02/1995	VKSND h.Chư Păh, Gia Lai	62	78	202	
14	Nguyễn Đăng Sơn	08/02/1995		VKSND h.Chư Prông, Gia Lai	55	86	196	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

1	Lê Minh Dương	10/01/1995		VKSND TX.Trảng Bàng, Tây Ninh	82	94	258	Trúng tuyển
2	Lê Tuấn Kiệt	17/6/1994		VKSND h.Dương Minh Châu, Tây Ninh	71	92	234	Trúng tuyển
3	Huỳnh Ngọc Linh		07/6/1994	VKSND h.Bến Cầu, Tây Ninh	70	86	226	Trúng tuyển
4	Võ Lê Trúc Phương		25/02/1993	VKSND h.Dương Minh Châu, Tây Ninh	67	86	220	Trúng tuyển
5	Lê Thị Hồng Đào		10/3/1992	VKSND TX.Trảng Bàng, Tây Ninh	63	92	218	Trúng tuyển
6	Lê Minh Quân	20/8/1990		VKSND h.Gò Dầu, Tây Ninh	70	70	210	Trúng tuyển
7	Lâm Quốc Bảo	20/10/1990		VKSND h.Gò Dầu, Tây Ninh	67	70	204	Trúng tuyển
8	Trần Kiên Cường	25/8/1987		VKSND h.Tân Châu, Tây Ninh	65	74	204	Trúng tuyển
9	Trương Đức Hoàng	23/7/1991		VKSND TP.Tây Ninh, Tây Ninh	55	82	192	Trúng tuyển
10	Nguyễn Lâm Hà Thuyên		16/11/1995	VKSND h.Tân Biên, Tây Ninh	58	74	190	Trúng tuyển
11	Võ Thành Thiên	20/01/1995		VKSND h.Tân Biên, Tây Ninh	58	70	186	
12	Lương Thị Nhật Minh		15/4/1989	VKSND tỉnh Tây Ninh	52	82	186	
13	Nguyễn Thương Hiếu	01/01/1991		VKSND h.Tân Biên, Tây Ninh	51.5	76	179	
14	Nguyễn Thị Mỹ Phượng		08/11/1990	VKSND TP.Tây Ninh, Tây Ninh	44	80	168	
15	Võ Minh Hậu	26/7/1979		VKSND h.Dương Minh Châu, Tây Ninh	56	52	164	
16	Tạ Lê Hằng		18/7/1978	VKSND h.Gò Dầu, Tây Ninh	50	62	162	
17	Lê Đại Phụng	05/5/1977		VKSND h.Tân Châu, Tây Ninh	35	74	144	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

1	Bùi Minh Tâm	08/10/1990		VKSND tỉnh Kiên Giang	62.5	92	217	Trúng tuyển
2	Nguyễn Quốc Nam	02/9/1989		VKSND TP.Phú Quốc, Kiên Giang	67	80	214	Trúng tuyển
3	Nguyễn Văn Toàn	10/10/1985		VKSND tỉnh Kiên Giang	67	78	212	
4	Đào Văn Khánh	13/7/1994		VKSND tỉnh Kiên Giang	61.5	82	205	
5	Huỳnh Hải Đăng	05/5/1985		VKSND h.U Minh Thượng, Kiên Giang	58	86	202	
6	Trần Thị Kiều		16/8/1988	VKSND h.An Biên, Kiên Giang	58	86	202	
7	Nguyễn Thanh Tâm	20/12/1995		VKSND TP.Phú Quốc, Kiên Giang	60	78	198	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
8	Lý Minh Phúc	28/6/1992		VKSND h.Kiên Hải, Kiên Giang	58	82	198	
9	Lê Thị Thùy Trang		14/01/1987	VKSND tỉnh Kiên Giang	65	66	196	
10	Phan Vũ Phương	05/01/1988		VKSND h.Giồng Riềng, Kiên Giang	54	88	196	
11	Thị Tuyết Mai		15/12/1989	VKSND tỉnh Kiên Giang	55	82	192	
12	Bùi Nhất Nguyên	14/8/1994		VKSND TP.Hà Tiên, Kiên Giang	51	80	182	
13	Trần Huy Phụng	17/6/1994		VKSND h.Tân Hiệp, Kiên Giang	56	66	178	
14	Nguyễn Văn Tặng	11/11/1992		VKSND TP.Phú Quốc, Kiên Giang	50	76	176	
15	Giang Ái Huệ		28/01/1995	VKSND TP.Hà Tiên, Kiên Giang	52	66	170	
16	Trần Quốc Toàn	26/6/1985		VKSND TP.Phú Quốc, Kiên Giang	35	66	136	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

1	Châu Thị Tuyết Phương		20/6/1993	VKSND tỉnh Bạc Liêu	66	92	224	Trúng tuyển
2	Nguyễn Văn Tín	27/11/1992		VKSND TX.Giá Rai, Bạc Liêu	68	86	222	Trúng tuyển
3	Châu Ngọc Hạnh		02/02/1991	VKSND tỉnh Bạc Liêu	66	88	220	Trúng tuyển
4	Trần Thị Hồng Xuân		20/9/1990	VKSND tỉnh Bạc Liêu	66	86	218	Trúng tuyển
5	Trần Minh Muội		26/12/1984	VKSND tỉnh Bạc Liêu	65	86	216	Trúng tuyển
6	Trần Văn Cận	01/12/1992		VKSND tỉnh Bạc Liêu	60	94	214	
7	Võ Minh Trí	04/7/1990		VKSND h.Phước Long, Bạc Liêu	58	96	212	
8	Nguyễn Thanh Lào	13/9/1985		VKSND h.Hòa Bình, Bạc Liêu	63	84	210	
9	Dương Hiếu Nghiệm	09/10/1993		VKSND tỉnh Bạc Liêu	55	94	204	
10	Nguyễn Thanh Nghi	25/3/1989		VKSND h.Hòa Bình, Bạc Liêu	54	92	200	
11	Đoàn Nguyễn Thanh Hải	29/7/1991		VKSND TP.Bạc Liêu, Bạc Liêu	59	78	196	
12	Nguyễn Hoàng Bảo	15/9/1988		VKSND h.Phước Long, Bạc Liêu	60	74	194	
13	Nguyễn T. Phương Hồng Thủy		08/8/1990	VKSND h.Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	54	84	192	
14	Nguyễn Thanh Tăng	20/9/1991		VKSND h.Đông Hải, Bạc Liêu	52	88	192	
15	Trần Đoàn Hoa Uyển	24/10/1984		VKSND TX.Giá Rai, Bạc Liêu	54	82	190	
16	Phan Thanh Toàn	16/4/1990		VKSND h.Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	53	84	190	
17	Lê Anh Thư		28/10/1991	VKSND tỉnh Bạc Liêu	50	84	184	
18	Phan Văn Dừa	09/02/1983		VKSND TX.Giá Rai, Bạc Liêu	58	62	178	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
19	Khương Bửu Bửu		17/9/1994	VKSND tỉnh Bạc Liêu	50	78	178	
20	Lê Thế Duyệt	29/7/1991		VKSND h.Phước Long, Bạc Liêu	38	72	148	
21	Quách Thị Kiều Duyên		11/02/1985	VKSND tỉnh Bạc Liêu	25	72	122	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH								
1	Huỳnh Thị Vân		06/6/1993	VKSND TP.HCM	72	90	234	Trúng tuyển
2	Cao Thị Thùy Phương		26/7/1985	VKSND TP.HCM	80	70	230	Trúng tuyển
3	Nguyễn Xuân Trường	30/3/1994		VKSND q.Tân Bình, TP.HCM	73	82	228	Trúng tuyển
4	Nguyễn Hồng Sơn	02/01/1993		VKSND TP.HCM	66	96	228	Trúng tuyển
5	Võ Hà Anh Thư		13/4/1994	VKSND h.Củ Chi, TP.HCM	70	86	226	Trúng tuyển
6	Trương Thị Ngọc Trang		1995	VKSND TP.Thủ Đức, TP.HCM	65	96	226	Trúng tuyển
7	Phạm Ngọc Anh	04/3/1993		VKSND q.Bình Tân, TP.HCM	72	78	222	Trúng tuyển
8	Võ Thị Ngọc Huyền		21/12/1993	VKSND Quận 6, TP.HCM	70	82	222	Trúng tuyển
9	Phạm Quốc Đạt	18/5/1995		VKSND TP.Thủ Đức, TP.HCM	70	80	220	Trúng tuyển
10	Phạm Anh Khoa	10/3/1989		VKSND Quận 4, TP.HCM	66	88	220	Trúng tuyển
11	Doãn Đình Khánh	30/10/1993		VKSND TP.HCM	68	80	216	Trúng tuyển
12	Lê Hà Bảo Trân		31/10/1993	VKSND h.Nhà Bè, TP.HCM	62	92	216	Trúng tuyển
13	Phạm Minh Hiệu	03/9/1995		VKSND TP.HCM	72	70	214	Trúng tuyển
14	Phạm Văn Thanh	30/10/1994		VKSND Quận 12, TP.HCM	66	82	214	Trúng tuyển
15	Nguyễn Thị Hạnh Nhung		26/12/1995	VKSND q.Bình Tân, TP.HCM	62	90	214	Trúng tuyển
16	Nguyễn Thị Hàm Ninh		25/3/1995	VKSND TP.HCM	68	76	212	Trúng tuyển
17	Nguyễn Thị Nự		26/3/1993	VKSND Quận 7, TP.HCM	65	82	212	Trúng tuyển
18	Trương Hoài Bảo	23/11/1991		VKSND h.Củ Chi, TP.HCM	69	72	210	Trúng tuyển
19	Nguyễn Thị Vân		09/4/1991	VKSND h.Hóc Môn, TP.HCM	65	80	210	Trúng tuyển
20	Đỗ Hữu Tân	18/4/1993		VKSND Quận 12, TP.HCM	61	88	210	Trúng tuyển
21	Trần Hà Kim		04/7/1987	VKSND Quận 12, TP.HCM	62	84	208	Trúng tuyển
22	Lữ Ngọc Mai		02/9/1990	VKSND TP.Thủ Đức, TP.HCM	62	84	208	Trúng tuyển
23	Lê Thị HuyềnTrang		18/7/1988	VKSND TP.HCM	60	88	208	Trúng tuyển
24	Nguyễn Việt Trung	31/7/1995		VKSND q.Bình Tân, TP.HCM	60	86	206	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
25	Nguyễn Thị Cẩm Thu		02/02/1994	VKSND q.Gò Vấp, TP.HCM	61	82	204	Trúng tuyển
26	Nguyễn Hoàng Thiện	20/9/1992		VKSND Quận 11, TP.HCM	60	84	204	Trúng tuyển
27	Bùi Văn Anh		13/5/1995	VKSND TP.HCM	58	88	204	Trúng tuyển
28	Trần Trung Tín	09/02/1995		VKSND Quận 1, TP.HCM	58	86	202	Trúng tuyển
29	Nguyễn Tấn Lộc	26/3/1991		VKSND TP.HCM	56	90	202	Trúng tuyển
30	Hoàng Minh Pháp	09/3/1986		VKSND h.Bình Chánh, TP.HCM	62	76	200	Trúng tuyển
31	Nguyễn Phạm Tuấn	22/02/1993		VKSND Quận 5, TP.HCM	60	78	198	Trúng tuyển
32	Lê Đông	26/5/1991		VKSND Quận 3, TP.HCM	58	82	198	Trúng tuyển
33	Nguyễn Xuân Tùng	16/02/1993		VKSND q.Gò Vấp, TP.HCM	55	88	198	Trúng tuyển
34	Đỗ Thành Trung	14/01/1989		VKSND Quận 3, TP.HCM	55	88	198	Trúng tuyển
35	Trịnh Thị Diệu Thùy		08/3/1995	VKSND q.Tân Phú, TP.HCM	56	84	196	Trúng tuyển
36	Nguyễn Quốc Vinh	05/10/1987		VKSND q.Bình Thạnh, TP.HCM	55	86	196	Trúng tuyển
37	Cao Hoàng Minh	04/11/1991		VKSND Quận 12, TP.HCM	55	86	196	Trúng tuyển
38	Đinh Thị Bích Ngọc		12/10/1995	VKSND h.Nhà Bè, TP.HCM	54	88	196	Trúng tuyển
39	Trương Hải Quân	12/02/1991		VKSND h.Cần Giờ, TP.HCM	59	76	194	Trúng tuyển
40	Trần Lê Thanh		14/6/1994	VKSND TP.HCM	54	86	194	Trúng tuyển
41	Mai Trường An	15/6/1987		VKSND h.Bình Chánh, TP.HCM	53	88	194	Trúng tuyển
42	Nguyễn Xuân Bách	10/6/1994		VKSND TP.HCM	52	88	192	Trúng tuyển
43	Bùi Thị Thu Thảo		27/7/1994	VKSND q.Bình Tân, TP.HCM	52	88	192	Trúng tuyển
44	Hoàng Thị Vinh		07/6/1992	VKSND TP.Thủ Đức, TP.HCM	51	90	192	Trúng tuyển
45	Cao Thanh Huyền		12/3/1993	VKSND Quận 10, TP.HCM	52	84	188	
46	Lê Thị Ngọc		23/9/1995	VKSND Quận 12, TP.HCM	50	88	188	
47	Nguyễn Phương Sang	16/4/1995		VKSND q.Tân Bình, TP.HCM	50	86	186	
48	Nguyễn Văn Cương	11/3/1994		VKSND q.Tân Bình, TP.HCM	60	62	182	
49	Lê Thị Thanh Hà		28/02/1992	VKSND TP.HCM	59	62	180	
50	Đồng Quang Hải	27/7/1992		VKSND h.Củ Chi, TP.HCM	57	66	180	
51	Nguyễn Thái Khánh Nhung		16/12/1994	VKSND h.Bình Chánh, TP.HCM	52	76	180	
52	Trần Anh Tuấn	15/11/1973		VKSND Quận 8, TP.HCM	52	76	180	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
53	Lương Sỹ Tân	16/8/1995		VKSND q.Bình Tân, TP.HCM	50	80	180	
54	Nguyễn Đức Nghĩa	31/01/1992		VKSND q.Tân Phú, TP.HCM	45	90	180	
55	Trần Văn Hiếu	10/12/1994		VKSND h.Củ Chi, TP.HCM	53	68	174	
56	Lê Thị Hằng		28/5/1995	VKSND q.Tân Phú, TP.HCM	50	70	170	
57	Vũ Nga Phương		15/10/1997	VKSND q.Bình Thạnh, TP.HCM	50	64	164	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

1	Trần Thị Thơ		16/9/1993	VKSND h.Tuy Phước, Bình Định	81	94	256	Trúng tuyển
2	Hàn Thị Tú Yên		27/01/1983	VKSND tỉnh Bình Định	78	80	236	Trúng tuyển
3	Trần Võ Phong	30/10/1994		VKSND h.Phù Cát, Bình Định	72	88	232	Trúng tuyển
4	Nguyễn Ngọc Thạch	01/10/1992		VKSND h.Hoài Ân, Bình Định	73	84	230	Trúng tuyển
5	Lê Thị Tuyết		23/6/1990	VKSND h.Phù Cát, Bình Định	67	88	222	Trúng tuyển
6	Trần Thanh Trang		11/5/1994	VKSND TP.Quy Nhơn, Bình Định	66	84	216	Trúng tuyển
7	Nguyễn Đức Hà	03/4/1995		VKSND TX.An Nhơn, Bình Định	62	92	216	Trúng tuyển
8	Nguyễn Thị Loan		20/5/1987	VKSND h.Phù Mỹ, Bình Định	62	88	212	
9	Huỳnh Kim Viên		17/10/1994	VKSND h.Hoài Ân, Bình Định	71	68	210	
10	Trần Thị Ngọc Phước		28/7/1991	VKSND TP.Quy Nhơn, Bình Định	59	92	210	
11	Nguyễn Thị Trà		04/10/1991	VKSND TP.Quy Nhơn, Bình Định	57	92	206	
12	Nguyễn Thị Thái Bảo		28/10/1991	VKSND tỉnh Bình Định	59	86	204	
13	Nguyễn Thị Liệu		05/8/1991	VKSND TX.An Nhơn, Bình Định	55	92	202	
14	Lê Nguyễn Thanh Thảo		14/7/1990	VKSND h.Tây Sơn, Bình Định	60	80	200	
15	Nguyễn Đình Luân	14/4/1991		VKSND h.Vĩnh Thạnh, Bình Định	55	90	200	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

1	Lê Thị Thanh Hằng		09/5/1994	VKSND tỉnh Đắk Lắk	72	70	214	Trúng tuyển
2	Đào Anh Vũ	19/9/1993		VKSND TP.Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	60	86	206	Trúng tuyển
3	Phạm Quốc Chiến	05/02/1994		VKSND tỉnh Đắk Lắk	57	84	198	Trúng tuyển
4	Phan Đình Toàn	03/6/1993		VKSND h.Ea H'leo, Đắk Lắk	57	84	198	Trúng tuyển
5	Trần Minh Hoàng	03/12/1994		VKSND h.Ea H'leo, Đắk Lắk	53	84	190	Trúng tuyển
6	H'Đok Thị Huyền		22/7/1986	VKSND h.Krông Ana, Đắk Lắk	54	78	186	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
7	Nguyễn Hữu Tiến	16/12/1989		VKSND h.Krông Bông, Đắk Lắk	45	78	168	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC								
1	Nguyễn Đức Mạnh	12/6/1992		VKSND h.Đồng Phú, Bình Phước	78	92	248	Trúng tuyển
2	Đoàn Lương Hoàng	03/7/1995		VKSND h.Bù Đăng, Bình Phước	78	90	246	Trúng tuyển
3	Phạm Quốc Cường	15/5/1988		VKSND h.Hớn Quản, Bình Phước	66	86	218	
4	Phan Tuấn Đạt	25/5/1988		VKSND h.Phú Riềng, Bình Phước	70	72	212	
5	Mai Đức Anh	22/4/1994		VKSND h.Lộc Ninh, Bình Phước	70	68	208	
6	Thân Thị Hồng Ninh		25/01/1991	VKSND h.Bù Gia Mập, Bình Phước	64	78	206	
7	Phạm Thị Yên		20/10/1991	VKSND h.Phú Riềng, Bình Phước	62	82	206	
8	Trần Thị Mỹ Nương		01/01/1989	VKSND TX.Bình Long, Bình Phước	62	76	200	
9	Đặng Văn Thọ	03/01/1994		VKSND TX.Bình Long, Bình Phước	58	84	200	
10	Lê Thị Thùy Linh		12/9/1993	VKSND h.Đồng Phú, Bình Phước	59	80	198	
11	Ma Thị Thanh		02/9/1992	VKSND h.Hớn Quản, Bình Phước	52	92	196	
12	Nguyễn Văn Minh	14/3/1994		VKSND h.Đồng Phú, Bình Phước	70	54	194	
13	Đỗ Duy Hiếu	03/3/1991		VKSND h.Bù Đăng, Bình Phước	55	82	192	
14	Vương Thị Thu Hà		14/8/1992	VKSND h.Đồng Phú, Bình Phước	55	78	188	
15	Phạm Thị Thùy Vân		21/02/1992	VKSND tỉnh Bình Phước	57	72	186	
16	Nguyễn Đức Toàn	06/3/1980		VKSND TX.Bình Long, Bình Phước	56	72	184	
17	Vũ Thị Hoa		22/10/1989	VKSND h.Bù Đốp, Bình Phước	50	84	184	
18	Hà Thị Hải Lý		10/12/1991	VKSND h.Đồng Phú, Bình Phước	42	84	168	
19	Lê Quốc Tuấn	20/10/1983		VKSND h.Chơn Thành, Bình Phước	44	52	140	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU								
1	Nguyễn Thị Yến Ngọc		14/2/1993	VKSND TP.Vũng Tàu, Bà Rịa-Vũng Tàu	79	74	232	Trúng tuyển
2	Phạm Võ Trúc Linh		01/9/1995	VKSND TP.Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng Tàu	69	92	230	Trúng tuyển
3	Trần Văn Quỳnh	09/9/1991		VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	69.5	82	221	Trúng tuyển
4	Ngô Thị Lan Hương		12/6/1993	VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	64	84	212	
5	Hoàng Thị Thùy Linh		18/8/1994	VKSND TP.Vũng Tàu, Bà Rịa-Vũng Tàu	63	80	206	
6	Trần Thị Minh Nguyệt		20/4/1991	VKSND h.Châu Đức, Bà Rịa-Vũng Tàu	60	86	206	
7	Phan Nguyễn Nhật Anh	01/01/1994		VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	62	80	204	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
8	Bùi Thị Minh		07/8/1995	VKSND TX.Phú Mỹ, Bà Rịa-Vũng Tàu	60	78	198	
9	Nguyễn Thị Sang		10/8/1989	VKSND h.Châu Đức, Bà Rịa-Vũng Tàu	55	76	186	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

1	Bùi Thị Tuyết Minh		14/02/1994	VKSND h.Tháp Mười, Đồng Tháp	83	94	260	Trúng tuyển
2	Phan Hoài Nam	15/5/1993		VKSND tỉnh Đồng Tháp	72	90	234	Trúng tuyển
3	Nguyễn Trà My		04/12/1993	VKSND h.Thanh Bình, Đồng Tháp	71	90	232	Trúng tuyển
4	Lâm Thị Trinh Nhân		15/10/1993	VKSND h.Hồng Ngự, Đồng Tháp	71	80	222	Trúng tuyển
5	Lê Thị Hồng Thắm		25/10/1992	VKSND h.Tam Nông, Đồng Tháp	68	78	214	Trúng tuyển
6	Võ Hồng Nhân	13/01/1986		VKSND TP.Hồng Ngự, Đồng Tháp	62	80	204	Trúng tuyển
7	Đặng Phước Dur	12/11/1989		VKSND tỉnh Đồng Tháp	60	78	198	Trúng tuyển
8	Huỳnh Thị Cẩm Tú		17/10/1992	VKSND tỉnh Đồng Tháp	59	80	198	Trúng tuyển
9	Huỳnh Thị Thảo Nguyên		05/12/1990	VKSND h.Tháp Mười, Đồng Tháp	53	90	196	
10	Nguyễn Thế Nhân	20/7/1993		VKSND tỉnh Đồng Tháp	60	74	194	
11	Dur Tấn Đạt	23/7/1995		VKSND h.Hồng Ngự, Đồng Tháp	55	84	194	
12	Lê Thị Mỹ Duyên		09/11/1992	VKSND tỉnh Đồng Tháp	54	86	194	
13	Huỳnh Thị Thúy Quỳnh		18/11/1995	VKSND TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp	54	84	192	
14	Trần Lam Điền	22/12/1994		VKSND TP.Hồng Ngự, Đồng Tháp	52	86	190	
15	Lê Bình Nguyên	13/6/1991		VKSND h.Tân Hồng, Đồng Tháp	55	78	188	
16	Nguyễn Quốc Thuận	10/7/1988		VKSND TP.Sa Đéc, Đồng Tháp	54	80	188	
17	Lê Tấn Việt	25/10/1987		VKSND h.Lai Vung, Đồng Tháp	50	86	186	
18	Từ Thị Minh Tuyên		21/7/1988	VKSND h.Lấp Vò, Đồng Tháp	52	78	182	
19	Nguyễn Văn Hoàng Thanh	20/12/1987		VKSND h.Lai Vung, Đồng Tháp	50	80	180	
20	Đinh Thị Huỳnh Như		15/5/1989	VKSND h.Thanh Bình, Đồng Tháp	26	88	140	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

1	Phạm Trương Nhựt Quang	03/12/1990		VKSND q.Bình Thủy, Cần Thơ	74	94	242	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Cấn		29/07/1990	VKSND q.Bình Thủy, Cần Thơ	69	72	210	
3	Trần Hữu Thắng	06/02/1991		VKSND h.Cờ Đỏ, Cần Thơ	64	74	202	
4	Trần Quốc Bảo	01/01/1992		VKSND TP.Cần Thơ	59	84	202	
5	Nguyễn Huyền Trang		28/10/1988	VKSND TP.Cần Thơ	65	66	196	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
6	Nguyễn Văn Phái	12/7/1991		VKSND h.Thới Lai, Cần Thơ	59	78	196	
7	Phạm Thị Thanh Thảo		16/6/1987	VKSND TP.Cần Thơ	60	72	192	
8	Hầu Thị Bích Thủy		14/6/1985	VKSND TP.Cần Thơ	55	76	186	
9	Trần Thị Thúy Hằng		15/4/1990	VKSND h.Vĩnh Thạnh, Cần Thơ	58	66	182	
10	Trần Thị Cẩm Nhung		28/01/1993	VKSND h.Thới Lai, Cần Thơ	55	72	182	
11	Lê Vũ Kỳ	10/11/1991		VKSND TP.Cần Thơ	50	76	176	
12	Trương Hoàng Hải	01/6/1985		VKSND h.Cờ Đỏ, Cần Thơ	52	62	166	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

1	Huỳnh Nguyễn Duy Thanh	27/6/1992		VKSND h.Bến Lức, Long An	75	82	232	Trúng tuyển
2	Võ Đông Đức	22/10/1993		VKSND h.Đức Hòa, Long An	67	86	220	Trúng tuyển
3	Trịnh Nguyễn Phương Trúc		12/4/1994	VKSND tỉnh Long An	67	84	218	Trúng tuyển
4	Ngô Thị Quỳnh Hương		20/3/1993	VKSND h.Bến Lức, Long An	67	74	208	Trúng tuyển
5	Nguyễn Thị Xuyên		15/10/1995	VKSND tỉnh Long An	58	92	208	Trúng tuyển
6	Võ Quang Mai	20/11/1993		VKSND h.Đức Hòa, Long An	64	76	204	Trúng tuyển
7	Trần Tường Vi		05/10/1993	VKSND h.Tân Trụ, Long An	63	76	202	Trúng tuyển
8	Võ Trung Hiếu	22/01/1994		VKSND tỉnh Long An	60	80	200	Trúng tuyển
9	Võ Thị Mộng Trinh		14/3/1995	VKSND h.Đức Hòa, Long An	63	72	198	Trúng tuyển
10	Nguyễn Thị Châu		01/02/1988	VKSND h.Tân Thạnh, Long An	60	74	194	Trúng tuyển
11	Nguyễn Huỳnh Chánh Tín	12/5/1994		VKSND h.Tân Thạnh, Long An	58	78	194	Trúng tuyển
12	Nguyễn Trần Hoàng Phú	15/11/1994		VKSND h.Cần Giuộc, Long An	56	74	186	Trúng tuyển
13	Phạm Chí Hiếu	13/3/1992		VKSND h.Cần Đước, Long An	55	68	178	Trúng tuyển
14	Nguyễn Thị Phương Tuyền		12/6/1994	VKSND tỉnh Long An	50	78	178	Trúng tuyển
15	Huỳnh Đỗ Phúc Lợi	10/01/1995		VKSND tỉnh Long An	51	74	176	
16	Nguyễn Thị Bích Duyên		08/10/1995	VKSND h.Bến Lức, Long An	53	68	174	
17	Phạm Thị Thảo Nguyên		02/4/1994	VKSND h.Bến Lức, Long An	50	74	174	
18	Huỳnh Phúc Thịnh	18/12/1995		VKSND TP.Tân An, Long An	50	70	170	
19	Phạm Quốc Huy	31/5/1992		VKSND h.Cần Đước, Long An	45	72	162	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

1	Võ Thị Bích Ngà		10/11/1995	VKSND h.Tuy Phong, Bình Thuận	81	86	248	Trúng tuyển
2	Trần Thị Hồng Phúc		29/9/1995	VKSND tỉnh Bình Thuận	74	80	228	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
3	Nguyễn Thị Linh Đan		01/3/1995	VKSND TX.LaGi, Bình Thuận	62	90	214	Trúng tuyển
4	Dương Thanh Hoa		19/5/1995	VKSND TP.Phan Thiết, Bình Thuận	65	76	206	
5	Lê Quang Trí	20/11/1995		VKSND h.Đức Linh, Bình Thuận	58	80	196	
6	Bích Vĩ Thi		17/02/1994	VKSND tỉnh Bình Thuận	60	74	194	
7	Nguyễn Thị Thúy Hằng		19/02/1994	VKSND h.Phú Quý, Bình Thuận	50	94	194	
8	Trương Thị Hồng Khuyên		23/9/1993	VKSND h.Đức Linh, Bình Thuận	61	68	190	
9	Hà Văn Thịnh	20/8/1993		VKSND TP.Phan Thiết, Bình Thuận	57	74	188	
10	Nguyễn Văn Chắt	13/3/1993		VKSND tỉnh Bình Thuận	50	88	188	Đã chuyển công tác đến VKSND tỉnh Nghệ An
11	Trương Thị Thơ		18/12/1995	VKSND TP.Phan Thiết, Bình Thuận	58	70	186	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

1	Nguyễn Văn Dương	08/12/1992		VKSND h.Đắk Tô, Kon Tum	70	82	222	Trúng tuyển
2	Hồ Thị Thùy Trang		24/5/1995	VKSND tỉnh Kon Tum	66	90	222	Trúng tuyển
3	Nguyễn Hồng Phúc		01/8/1992	VKSND tỉnh Kon Tum	67	86	220	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		10/11/1991	VKSND tỉnh Kon Tum	66	88	220	Trúng tuyển
5	Lê Thị Phương Dung		11/12/1993	VKSND h.Kon Plông, Kon Tum	55	88	198	Trúng tuyển
6	Trương Tiến Thanh	20/10/1992		VKSND h.Kon Rẫy, Kon Tum	50	70	170	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

1	Võ Hoàng Phương Lê		18/10/1994	VKSND tỉnh Ninh Thuận	81	92	254	Trúng tuyển
2	Nguyễn Hoài		24/3/1994	VKSND h.Ninh Phước, Ninh Thuận	64	94	222	Trúng tuyển
3	Lê Thị Ánh		11/8/1989	VKSND tỉnh Ninh Thuận	61	92	214	Trúng tuyển
4	Phạm Thị Hà Trang		20/11/1993	VKSND h.Ninh Hải, Ninh Thuận	60	86	206	Trúng tuyển
5	Trần Thị Vân Anh		05/9/1994	VKSND tỉnh Ninh Thuận	54	90	198	Trúng tuyển
6	Lê Thị Bảo Thoa		18/02/1994	VKSND h.Ninh Hải, Ninh Thuận	55	80	190	Trúng tuyển
7	Hoàng Hải Long	23/06/1994		VKSND h.Ninh Phước, Ninh Thuận	50	74	174	Trúng tuyển

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

1	Trương Minh Sang	08/12/1993		VKSND TX.Sông Cầu, Phú Yên	69	90	228	Trúng tuyển
2	Huỳnh Tuyết Nhi		05/02/1992	VKSND h.Phú Hòa, Phú Yên	66	90	222	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
3	Nguyễn Thị Thùy Linh		15/9/1992	VKSND TX.Sông Cầu, Phú Yên	58	92	208	Trúng tuyển
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG								
1	Huỳnh Quốc Trung	27/7/1993		VKSND TP.Mỹ Tho, Tiền Giang	80	86	246	Trúng tuyển
2	Nguyễn Đức Huy	30/9/1995		VKSND h.Châu Thành, Tiền Giang	75	92	242	Trúng tuyển
3	Kiều Thị Mỹ Tiên		18/12/1995	VKSND h.Tân Phước, Tiền Giang	72	88	232	Trúng tuyển
4	Nguyễn Trọng Lễ	16/11/1994		VKSND TP.Mỹ Tho, Tiền Giang	71	78	220	Trúng tuyển
5	Lê Hoàng Huy	08/7/1995		VKSND h.Châu Thành, Tiền Giang	66	88	220	Trúng tuyển
6	Huỳnh Thị Kim Thoa		18/4/1995	VKSND h.Tân Phú Đông, Tiền Giang	65	86	216	Trúng tuyển
7	Đặng Kiều My		06/12/1991	VKSND h.Gò Công Tây, Tiền Giang	63	88	214	Trúng tuyển
8	Nguyễn Tiến Bình	24/4/1990		VKSND tỉnh Tiền Giang	62	86	210	Không xác định trúng tuyển do chuyển công tác đến VKSND tỉnh Đồng Nai
9	Lê Phương Trinh		08/02/1995	VKSND tỉnh Tiền Giang	61	88	210	
10	Huỳnh Phương Huy	07/09/1993		VKSND h.Cái Bè, Tiền Giang	61	80	202	
11	Phạm Ngọc Bình	30/5/1995		VKSND h.Cai Lậy, Tiền Giang	62	64	188	
12	Đỗ Thị Mỹ Huyền		20/02/1994	VKSND h.Gò Công Đông, Tiền Giang	51	86	188	
13	Nguyễn Thị Đoan Trang		03/4/1995	VKSND tỉnh Tiền Giang	52	84	188	
14	Võ Hồng Linh	10/5/1990		VKSND h.Chợ Gạo, Tiền Giang	54	74	182	
15	Phạm Thanh An	23/9/1992		VKSND h.Gò Công Tây, Tiền Giang	48	86	182	
16	Nguyễn Khắc Tín	10/3/1993		VKSND TX.Cai Lậy, Tiền Giang	51	78	180	
17	Đỗ Thị Thảo Trang		29/01/1994	VKSND tỉnh Tiền Giang	38	88	164	
18	Trần Huỳnh Đức Lập	03/01/1992		VKSND h.Gò Công Đông, Tiền Giang	46	64	156	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU								
1	Phạm Tuyết Trân		05/5/1995	VKSND h.U Minh, Cà Mau	78	90	246	Trúng tuyển
2	Lâm Văn Chi	1994		VKSND h.Cái Nước, Cà Mau	71	82	224	Trúng tuyển
3	Ngô Minh Quyền	15/5/1991		VKSND tỉnh Cà Mau	64	80	208	Trúng tuyển
4	Quách Lý Hoàng Minh	09/9/1989		VKSND tỉnh Cà Mau	57	82	196	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
5	Huỳnh Tiểu My		25/11/1993	VKSND TP.Cà Mau, Cà Mau	68	68	204	Không xác định trúng tuyển do chuyển công tác đến VKSND tỉnh Tiền Giang
6	Nguyễn Hữu Nguyễn	13/11/1993		VKSND h.U Minh, Cà Mau	58	78	194	
7	Nguyễn Chí Thông	19/3/1996		VKSND h.Ngọc Hiển, Cà Mau	54	80	188	
8	Nguyễn Thanh Tám	12/4/1988		VKSND tỉnh Cà Mau	50	80	180	
9	Lâm Chí Cường	16/02/1989		VKSND h.Trần Văn Thời, Cà Mau	45	86	176	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

1	Nguyễn Hoàng Phúc	16/04/1994		VKSND h.Châu Thành, Sóc Trăng	74	92	240	Trúng tuyển
2	Lê Kiều Mị		20/4/1992	VKSND TP.Sóc Trăng, Sóc Trăng	65	90	220	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Gíp		31/12/1994	VKSND TP.Sóc Trăng, Sóc Trăng	60	94	214	Trúng tuyển
4	Nguyễn Văn Tại	20/02/1990		VKSND TP.Sóc Trăng, Sóc Trăng	67	74	208	Trúng tuyển
5	Thạch Thị Mỹ Linh		26/5/1989	VKSND h.Trần Đề, Sóc Trăng	61	84	206	Trúng tuyển
6	Trần Thị Bé Duyên		26/6/1994	VKSND tỉnh Sóc Trăng	61	82	204	Trúng tuyển
7	Trần Thanh Nam	01/01/1992		VKSND h.Cù Lao Dung, Sóc Trăng	64	74	202	Trúng tuyển
8	Trần Minh Tôn	6/29/1994		VKSND h.Mỹ Tú, Sóc Trăng	56	84	196	
9	Đồng Phước Thạnh	18/5/1994		VKSND tỉnh Sóc Trăng	52	92	196	
10	Nguyễn Thị Kim Thoa		01/01/1990	VKSND h.Cù Lao Dung, Sóc Trăng	52	86	190	
11	Nguyễn Vũ Anh	22/8/1988		VKSND h.Kế Sách, Sóc Trăng	57	74	188	
12	Huỳnh Công Nguyên	4/4/1993		VKSND h.Mỹ Tú, Sóc Trăng	50	84	184	
13	Lý Thị Thu Vân		04/12/1987	VKSND h.Mỹ Tú, Sóc Trăng	58	66	182	
14	Nguyễn Thị Xuân Đăng		09/9/1989	VKSND TX.Ngã Năm, Sóc Trăng	62	56	180	
15	Võ Văn Bằng	16/4/1982		VKSND TX.Vĩnh Châu, Sóc Trăng	53	70	176	
16	Huỳnh Minh Tuấn	01/01/1985		VKSND h.Long Phú, Sóc Trăng	40	82	162	
17	Huỳnh Thanh Hải	10/7/1980		VKSND h.Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	51	58	160	

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

1	Phan Hoàng Trung	19/9/1988		VKSND TP.Trà Vinh, Trà Vinh	69	92	230	Trúng tuyển
2	Võ Quốc Toàn	07/4/1989		VKSND h.Cầu Kè, Trà Vinh	63	86	212	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị công tác	Điểm thi		Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Môn Viết	Môn TN		
3	Cao Trung Tín	15/12/1987		VKSND h.Tiểu Cần, Trà Vinh	73	64	210	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Hồng Duyên		12/3/1988	VKSND tỉnh Trà Vinh	58	82	198	Trúng tuyển
5	Thái Hiệp Hùng	15/8/1990		VKSND tỉnh Trà Vinh	54	84	192	
6	Tưởng Phước Lộc	10/8/1994		VKSND tỉnh Trà Vinh	58	70	186	
7	Bùi Bá Duy	30/11/1991		VKSND h.Châu Thành, Trà Vinh	50	82	182	
8	Lư Thái Duy	15/7/1990		VKSND h.Càng Long, Trà Vinh	50	82	182	
9	Phan Thị Kim Thoa		25/11/1990	VKSND tỉnh Trà Vinh	56	66	178	
10	Phùng Thị Cẩm Nguyên		24/10/1987	VKSND h.Châu Thành, Trà Vinh	51	74	176	
11	Huỳnh Minh Phụng	01/01/1991		VKSND h.Duyên Hải, Trà Vinh	58	58	174	
12	Hoàng Thanh Tâm	03/3/1991		VKSND h.Châu Thành, Trà Vinh	50	72	172	
13	Lê Anh Thư		06/9/1985	VKSND tỉnh Trà Vinh	50	62	162	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG								
1	Nguyễn Huỳnh Lệ Uyên		19/5/1991	VKSND h.Vũng Liêm, Vĩnh Long	65	88	218	Trúng tuyển
2	Phạm Việt Thy		25/12/1992	VKSND TX.Bình Minh, Vĩnh Long	59	92	210	Trúng tuyển
3	Lê Phương		10/7/1990	VKSND h.Bình Tân, Vĩnh Long	62	82	206	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Thùy Mai		31/8/1990	VKSND tỉnh Vĩnh Long	60	84	204	Trúng tuyển
5	Đặng Văn Tâm	24/4/1989		VKSND h.Trà Ôn, Vĩnh Long	61	78	200	Trúng tuyển
6	Lê Thị Lệ Huyền		10/01/1991	VKSND TX.Bình Minh, Vĩnh Long	50	80	180	
7	Nguyễn Duy Đây	25/5/1985		VKSND tỉnh Vĩnh Long	46	72	164	
8	Lê Hiền Đạt	22/11/1989		VKSND tỉnh Vĩnh Long	51	58	160	
9	Lê Hạt Kiel	04/10/1987		VKSND tỉnh Vĩnh Long	38	60	136	